



Saigon Water
one-stop total water solution

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2020

Số: 13 /2020/SGW.KT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

V/v: Công bố thông tin về việc đính chính Bản cáo bạch

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 62918483 Fax: (84.8) 62918489

Website: www.saigonwater.com.vn

Mã chứng khoán: SII

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 19/12/2019, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (mã chứng khoán SII) đã Công bố Bản Cáo Bạch cho đợt phát hành cổ phiếu theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, tuy nhiên do nhầm file mềm, nên nay SII xin công bố thông tin lại file mềm đúng của Bản Cáo Bạch đính kèm với nội dung đính chính của khoản 6.1 trang 68 trong Bản Cáo Bạch như sau:

- Thông tin cũ: giá chào bán: 10.000 đồng /cổ phiếu
- Thông tin sau khi đính chính: giá chào bán 16.900 đồng/ cổ phiếu

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303476454 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/04/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 140 /GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 12 năm 2019)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6291 8483 Fax: (84-28) 6291 8489

Website: <http://www.saigonwater.com.vn>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: <http://www.vcsc.com.vn>

Được cung cấp từ ngày tháng năm 2019

Phụ trách công bố thông tin

Ông Nguyễn Văn Thành – Tổng Giám đốc

Số điện thoại liên hệ: (84-28) 6291 8483

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303476454 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/04/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán:	16.900 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán:	37.419.280 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):	374.192.800.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC)

Trụ sở chính: Tầng 15, toà nhà Center Building – Hapulico Complex, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6664 2777 Fax: (84-24) 6664 3777

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA)

Trụ sở chính: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3783 2121 Fax: (84-24) 3783 2122

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về pháp luật	6
3. Rủi ro đầu tư ngành hạ tầng nước.....	7
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	7
5. Rủi ro pha loãng.....	8
6. Rủi ro quản trị Công ty	9
7. Rủi ro cạnh tranh.....	10
8. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. Tổ chức phát hành	10
2. Tổ chức tư vấn	10
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2. Cơ cấu tổ chức công ty	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	14
4. Cơ cấu cổ đông.....	19
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	20
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	22
7. Hoạt động kinh doanh	23
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	29
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
10. Chính sách đối với người lao động	35
11. Chính sách cổ tức	37
12. Tình hình tài chính	37
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	43
14. Tài sản (<i>Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty</i>)	63
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	64
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	66

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	66
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	66
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	67
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	67
1. Loại cổ phiếu.....	67
2. Mệnh giá	67
3. Tổng số chứng khoán đang lưu hành	67
4. Giá chào bán dự kiến.....	67
5. Phương pháp tính giá	67
6. Phương thức phân phối	68
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	69
8. Đăng ký mua cổ phiếu	69
9. Phương thức thực hiện quyền (<i>trong trường hợp chào bán cổ phiếu tăng vốn có kèm theo quyền mua cổ phần, chào bán cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi hoặc có kèm theo chứng quyền</i>)	70
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	71
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	73
12. Các loại thuế có liên quan.....	73
13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	73
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	73
1. Mục đích chào bán.....	73
2. Về mối quan hệ giữa 02 nhà đầu tư (MWSAH và VIAC) với SII và cán bộ chủ chốt của SII....	74
3. Thông tin hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Củ Chi	74
a. Giới thiệu chung.....	74
b. Ngành nghề kinh doanh	75
c. Quá trình hình thành và phát triển	75
d. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính	76
e. Cơ cấu cổ đông (và ngày 30/09/2019).....	77
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	77
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	79
IX. PHỤ LỤC	79

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

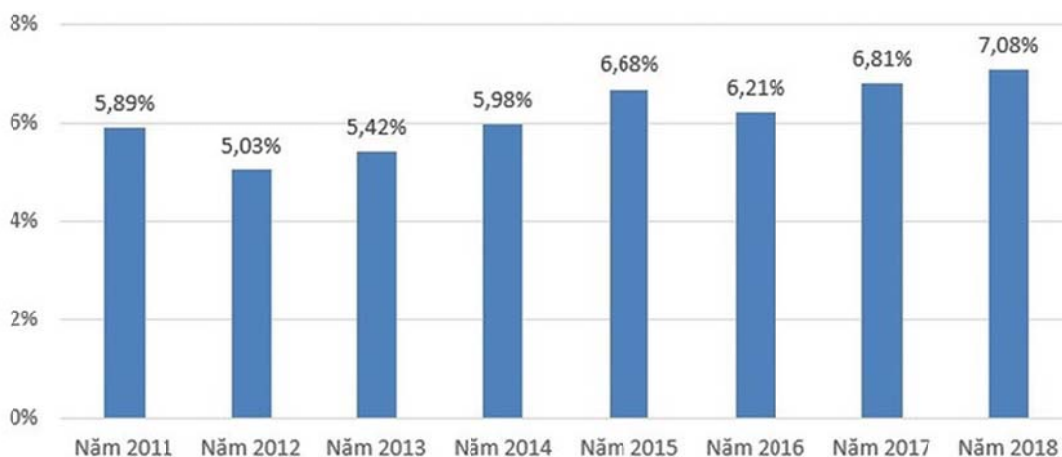
1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng một vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của các doanh nghiệp. Sự tăng trưởng của nền kinh tế luôn đi cùng với sự gia tăng các khoản đầu tư vào hạ tầng, công trình xây dựng, phát triển tiện ích v.v... Ngược lại, nếu nền kinh tế suy yếu, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, nguồn thu nhập của nền kinh tế giảm dẫn tới sự suy giảm trong đầu tư lĩnh vực hạ tầng, xây dựng, tiện ích; có tác động tiêu cực đến các hoạt động Công ty. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là *i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất*; có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn nói riêng. Phân tích môi trường vĩ mô của nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm có xu hướng giảm dần. An sinh xã hội được quan tâm thực hiện. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2019, Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP dự kiến đạt mức 6,6% - 6,8%. Nguyên nhân đến từ việc tín dụng được thắt lại, tiêu dùng tư nhân giảm và nhu cầu bên ngoài yếu hơn. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Không chỉ vậy, nền kinh tế toàn cầu vẫn còn ảm đạm, tình hình thị trường tài chính chưa hoàn toàn khởi sắc, bất ổn chính trị leo thang, việc Anh rút khỏi liên minh Châu Âu. Vì vậy để hạn chế rủi ro, Công ty không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2018

Nguồn: GSO, VCSC

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát trong năm 2018 được kiểm soát và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra, với chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng 11 và tăng 3,54% so với tháng 12/2017. Lạm phát chủ yếu tăng do biến động tăng giá của giá nguyên nhiên, vật liệu, lương thực thực phẩm, dịch vụ y tế, tăng giá học phí và điều chỉnh tăng tiền lương tối thiểu vùng và lương cơ sở. Ổn định và giữ cho tốc độ lạm phát ở mức vừa phải là một trong những ưu tiên hàng đầu của việc quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô. Công ty luôn chủ động sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng, dự toán được khối lượng công trình chính xác nhất có thể và kiểm soát được giá cả đầu vào cho các dự án, để hạn chế rủi ro về lạm phát.

1.3. Rủi ro lãi suất

Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,5%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,6%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn, 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

SII là công ty cổ phần đại chúng niêm yết, Công ty đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Tài nguyên nước, các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh cần thiết cập nhật, hướng dẫn, bổ sung nhằm đáp ứng kịp thời với thực tiễn và xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật ổn định, nhất quán. Quá trình này có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp cập nhật không kịp thời, làm ảnh hưởng đến tính tuân thủ nghiêm ngặt được đặt ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyên môn, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan đến Công ty.

3. Rủi ro đầu tư ngành hạ tầng nước

Bên cạnh các nhân tố rủi ro liên quan đến lạm phát, lãi suất hay nền kinh tế, việc đầu tư vào ngành hạ tầng nước của Công ty cũng chịu các rủi ro đến từ bản chất của ngành này.

- Về thị trường: rủi ro nhu cầu thực tế không đạt được mức kỳ vọng khi ra quyết định đầu tư, rủi ro về lộ trình giá bán sỉ và khả năng tăng giá bán lẻ, hoặc rủi ro tăng chi phí đầu vào đều gây ra các tác động tiêu cực đến hiệu quả đầu tư của các dự án, ảnh hưởng đến khả năng sinh lời và hoàn vốn của Công ty. Bên cạnh đó, việc đầu tư vào ngành nước đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài nên có thể có rủi ro không huy động đủ nguồn vốn dài hạn để đầu tư dự án. Các rủi ro này có thể được giảm thiểu hoặc kiểm soát thông qua việc thực hiện công tác khảo sát đánh giá thị trường một cách chi tiết và cẩn trọng, đồng thời đảm bảo việc các hợp đồng với các khách hàng và nhà cung cấp lớn được ký kết với những điều khoản cụ thể, rõ ràng, có giám sát định kỳ để đưa ra những giải pháp kịp thời.
- Về cơ chế chính sách đối với ngành: rủi ro đến từ việc thay đổi các cơ chế, chính sách ảnh hưởng đến các kế hoạch về doanh thu, chi phí và đầu tư của Công ty. Ngoài ra, do ngành hạ tầng nước là ngành có tính địa phương cao, rủi ro về cơ chế chính sách cũng khác nhau ở từng địa phương. Để hạn chế rủi ro này, việc thường xuyên theo dõi, cập nhật các chính sách của nhà nước, đồng thời thiết lập và duy trì sự liên kết với địa phương là rất quan trọng.
- Rủi ro giảm giá chứng khoán: Biến động giá chứng khoán trên thị trường luôn có những ảnh hưởng nhất định đến giá cổ phiếu của Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, với sự thận trọng trong việc lựa chọn danh mục đầu tư, thêm vào đó là các khoản đảm bảo lợi nhuận từ những hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu từ đối tác thì Công ty cũng đã kiểm soát được phần lớn các khoản đầu tư của mình từ sự tác động của thị trường chứng khoán đến danh mục đầu tư của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn đang diễn biến phức tạp và khó dự báo, đợt chào bán có thể gặp rủi ro không chào bán hết, do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

i) Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho CII theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu. Xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.

ii) Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo duy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã duy trì được mối quan hệ tín dụng tốt với ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết. Phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

4.2. Rủi ro của những dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua và cụ thể sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

- Thực hiện hoạt động M&A, cụ thể là mua 30.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Củ Chi (tương đương 49% vốn điều lệ);
- Thanh toán chi phí lãi và nợ vay ngân hàng;
- Bổ sung vốn lưu động.

Công ty không sử dụng tiền để tài trợ đầu tư dự án, do đó, không phải chịu rủi ro này.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 37.419.280 cổ phiếu, tương đương 58% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty, do đó nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu ("EPS") bằng (=) Lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng vốn (số lượng cổ phiếu). Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.2. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Giá của một loại hàng hóa phụ thuộc rất lớn vào cung – cầu trên thị trường của hàng hóa đó. Nếu nguồn cung lớn, cầu ít thì giá sẽ tăng và ngược lại. Giá cổ phiếu cũng không nằm ngoài quy luật trên. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của Công ty sẽ làm tăng nguồn cung cổ phiếu ra thị trường, như vậy, rủi ro bị pha loãng giá cổ phiếu có thể sẽ xảy ra trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành làm cho giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường giảm xuống.

Trong đợt phát hành này, SII chào bán 37.419.280 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 16.900 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng lên 1,58 lần so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, và giá cổ phiếu có thể được điều chỉnh bởi Sở Giao dịch chứng khoán trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành, và do đó ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu của cổ phiếu SII. Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{[\text{Slg CP lưu hành (*) giá thị trường}] + (+) [\text{Slg CP chào bán cho CĐHH (*) giá chào bán}]}{\text{Slg CP lưu hành (+) Slg CP chào bán cho CĐHH}}$$

Ví dụ: Giả sử tại ngày giao dịch không hưởng quyền giá đóng cửa cổ phiếu của Công ty là 24.500 đồng/cổ phiếu, thì trong ngày này, giá cổ phiếu sẽ được HSX điều chỉnh là:

Giá cổ phiếu của SII sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu sau khi điều chỉnh giá} = \frac{64.516.000 * 24.500 + 37.419.280 * 16.900}{64.516.000 + 37.419.280} = 21.710 \text{ đồng/CP}$$

Như vậy, việc phát hành thêm 37.419.280 cổ phiếu với trường hợp giá phát hành thấp hơn giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ làm pha loãng EPS và Giá trị cổ phiếu của Công ty.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Quyết định 341/QĐ-SGDHCM, Sở Giao dịch không thực hiện điều chỉnh giá tham chiếu trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu. Như vậy, trường hợp giá phát hành cao hơn giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền thì không điều chỉnh giá cổ phiếu.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như SII sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, nhân sự, năng suất hoạt động kinh doanh, thương hiệu,... Những yếu tố này có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, có khả năng làm cho doanh nghiệp chịu thiệt hại về mặt lợi ích, ảnh hưởng lớn tới sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp và thiệt hại cho cổ đông.

Rủi ro chủ quan chủ yếu xuất phát từ phía con người, phát sinh từ sai lầm của cấp lãnh đạo, tới những cán bộ quản lý và người lao động. Rủi ro khách quan đến từ những ảnh hưởng của môi trường, xã hội, việc thay đổi chính sách hay các văn bản pháp luật, những biến động trên thị trường trong nước và quốc tế, vv...

Để khắc phục rủi ro quản trị, Công ty luôn có kế hoạch rà soát lại các chính sách, quy trình / thủ tục trong nội bộ nghiệp vụ nhằm đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của Công ty luôn diễn ra đúng với quy định và mang lại hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

7. Rủi ro cạnh tranh

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất do đó không có sản phẩm khác thay thế. Do đó, rủi ro cạnh tranh chủ yếu đến từ các công ty hoặc dự án khác cùng kinh doanh dịch vụ xử lý, cung cấp nước sạch. Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến rủi ro cạnh tranh như sau:

- Nhu cầu vốn: ngành hạ tầng nói chung và ngành hạ tầng nước nói riêng đòi hỏi nhu cầu đầu tư vốn lớn và lâu dài, do đó việc đầu tư vào ngành này cũng đòi hỏi nhà đầu tư có chiến lược đầu tư dài hạn. Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng uy tín, cũng như không ngừng tìm kiếm các cơ hội huy động các nguồn vốn dài hạn mới.
- Kinh nghiệm và trình độ công nghệ: nhà đầu tư cũng cần có sự am hiểu nhất định về các công nghệ xử lý nước cũng như các công nghệ khác liên quan đến ngành để có thể lựa chọn công nghệ phù hợp cho từng dự án nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả của dịch vụ cấp nước (gồm có chất lượng nước xử lý và khả năng cấp nước). Bên cạnh việc tận dụng những năng lực, kinh nghiệm và trình độ công nghệ từ các cổ đông, Công ty cũng không ngừng tiếp thu và ứng dụng các công nghệ mới.
- Sự liên kết với địa phương: việc thiết lập và duy trì mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, người dân và chính quyền tại địa phương giúp tăng khả năng cạnh tranh của Công ty.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro khác là những rủi ro bất khả kháng không thể lường trước được như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh.v.v.. nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại đáng kể về tài sản, con người do đó không tránh khỏi ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông: Lê Vũ Hoàng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: Nguyễn Văn Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh Chức vụ: Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng
- Bà: Victoria P. Sugapong Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

- Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải
- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn
- SII Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TGĐ Tổng Giám đốc
- CNĐKKD Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- CTCP Công ty cổ phần
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng khoán
- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND Ủy ban nhân dân
- WTO Tổ chức Thương mại thế giới
- GDP Tổng sản phẩm quốc nội
- Thuế TNDN Thuế thu nhập doanh nghiệp
- HĐKD Hoạt động kinh doanh
- BHXH Bảo hiểm xã hội
- LNTT Lợi nhuận trước thuế
- LNST Lợi nhuận sau thuế
- TSCĐ Tài sản cố định
- TSLĐ Tài sản lưu động
- TP.HCM Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND Chứng minh nhân dân
- P/E Chỉ số giá thị trường trên thu nhập mỗi cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**
- Tên viết tắt: **SII**
- Trụ sở: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 6291 8483
- Fax: (84-28) 6291 8489
- Website: www.saigonwater.com.vn
- Email: info@saigonwater.com.vn
- Vốn điều lệ: **645.160.000.000 đồng**
- Logo:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303476454 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/04/2018.

Danh sách ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, Thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch-nước thải. Bán buôn vật tư- thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hoá chất khác (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (Trừ tư vấn pháp luật); Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;

- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp.
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; Vốn ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề Dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Đến ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành thành tăng vốn thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583,7 tỷ đồng.

- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Thông tin về công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (*)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Các công ty liên doanh, liên kết:

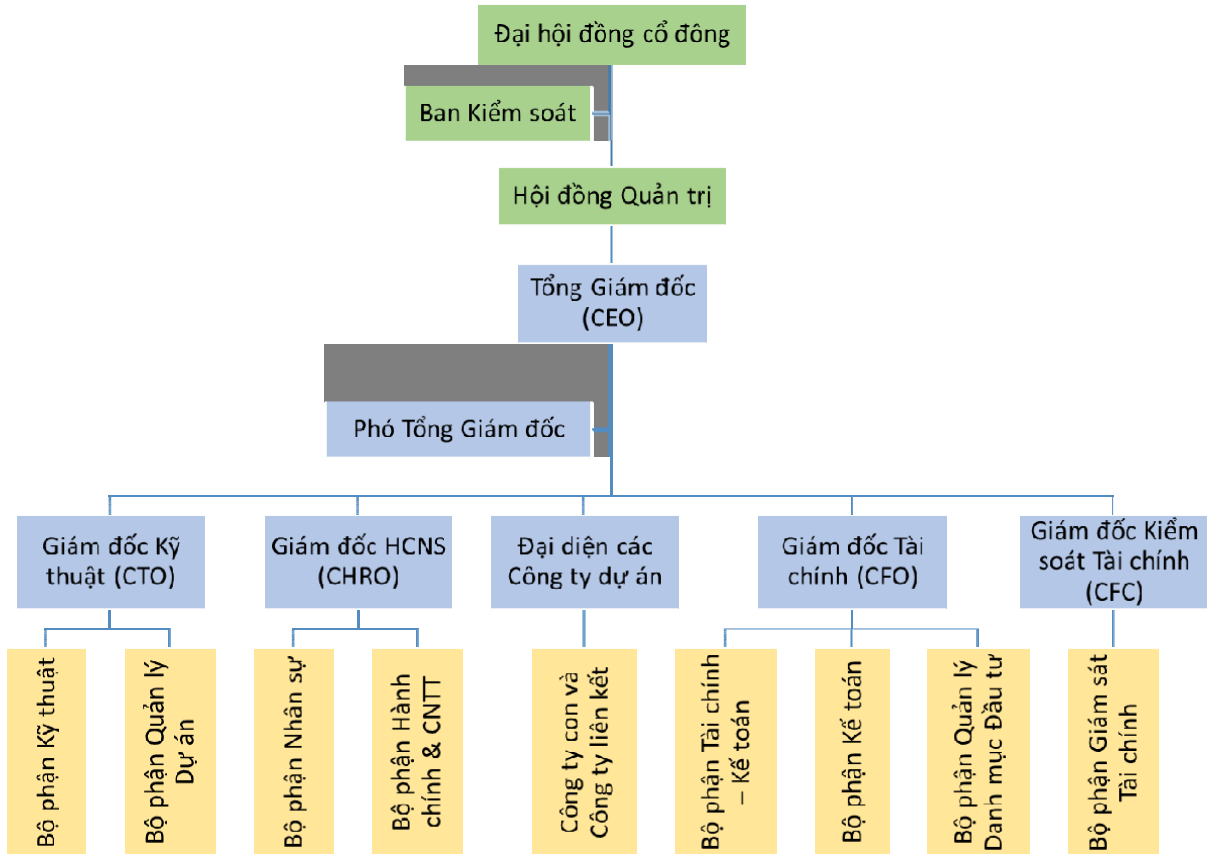
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(*): Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần được thể hiện theo sơ đồ sau:



Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thông qua các vấn đề sau:

- Sửa đổi bổ sung điều lệ.
- Kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán.
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
- Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

- Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý.
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
- Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Công ty hoặc chi nhánh Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

Tổng Giám đốc: là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc: hỗ trợ công việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm về phần việc của mình trước Tổng Giám đốc.

Các phòng ban: là những phòng ban trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn, nhận sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn có các phòng ban được thiết lập với các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Phòng Kỹ thuật:
 - Tư vấn cho Ban Điều hành về các vấn đề kỹ thuật từ giai đoạn trước khi đầu tư đến sau khi đầu tư, cập nhật công nghệ và kỹ thuật.
 - Tiến hành thẩm định kỹ thuật, thảo luận với khách hàng, và nghiên cứu kỹ thuật cho tất cả hạng mục đầu tư do SGW phát triển.
 - Hỗ trợ về mặt kỹ thuật và vận hành cho các công ty con và công ty liên kết của SGW.
 - Nộp báo cáo kỹ thuật định kỳ.

- Giám sát phần chuẩn bị thiết kế kỹ thuật của tất cả dự án, bao gồm các dự án do công ty con và công ty liên kết phụ trách.
- Phòng Quản lý Dự án:
 - Quản lý triển khai dự án, bao gồm thi công, giao thầu và các hoạt động chuẩn bị trước khi vận hành.
 - Quản lý chung phần Quản lý dự án.
 - Bộ phận này có thể bao gồm trưởng nhóm dự án cơ hữu và tư vấn quản lý dự án bên ngoài.
- Phòng Hành Chính - Nhân sự:
 - Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và chi tiêu hành chính cho toàn Công ty.
 - Tổ chức và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự.
 - Xây dựng cấu trúc lương, thưởng và các chế độ phúc lợi cho nhân viên.
 - Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể.
 - Góp phần xây dựng hình ảnh và uy tín Công ty qua các hoạt động xã hội.
 - Quản lý và theo dõi thủ tục giấy tờ hành chính pháp lý.
 - Quản lý, bố trí, điều động đội bảo vệ đảm bảo an ninh cho toàn Công ty và phương tiện di chuyển tạo điều kiện thuận lợi cho CBCVN yên tâm công tác.
 - Quản lý cơ sở vật chất và tài sản của toàn Công ty.
- Phòng Công nghệ thông tin:
 - Đảm bảo hệ thống mạng và điện thoại toàn công ty được vận hành liên tục, ổn định và thông suốt
 - Phát triển và quản lý cơ sở hạ tầng hệ thống mạng công ty
 - Cập nhật, sao lưu dữ liệu, khắc phục sự cố máy tính
 - Quản lý và kiểm soát thông tin công ty
 - Xây dựng chính sách sử dụng CNTT toàn công ty
 - Hỗ trợ và huấn luyện nhân viên công ty sử dụng CNTT
 - Chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và duy trì hệ thống Email toàn công ty
 - Xây dựng và phát triển website, cập nhật các thông tin dự án cũng như tin tức SII và thị trường, dịch vụ chăm sóc khách hàng, thông tin tuyển dụng lên website
 - Triển khai các phần mềm, ứng dụng CNTT phục vụ công tác bán hàng của nhân viên kinh doanh, quản lý công việc của các phòng ban và công tác quản lý của Ban Tổng Giám Đốc.
 - Đảm bảo hệ thống mạng và điện thoại toàn công ty được vận hành liên tục, ổn định và thông suốt

- Phòng Tài chính:
 - Hỗ trợ bộ phận tài chính liên hệ với các nhà đầu tư
 - Tìm kiếm nguồn cho các khoản đầu tư đã được phê duyệt và nhu cầu hoạt động của công ty
 - Giám sát sự tuân thủ của công ty đối với các nghĩa vụ vay.
 - Đảm bảo sử dụng hợp lý vốn đầu tư
 - Thiết lập chiến lược quản lý tiền mặt và giám sát việc triển khai
 - Thiết lập kế hoạch dự phòng về việc thoái vốn của các khoản đầu tư (toàn phần hoặc một phần)
- Phòng Kế toán:
 - Thực hiện chức năng kế toán thường nhật của SGW. Quản lý các vấn đề về thuế và kế toán của SGW với các cơ quan chức năng.
 - Đảm bảo các vấn đề liên quan đến khoản phải trả và công nợ đều tuân thủ các thỏa thuận và quy định
 - Đảm bảo tuân thủ các quy định công bố thông tin của UBCK và các cơ quan khác
 - Chuẩn bị báo cáo tài chính cho các bên liên quan
- Phòng Quản lý Đầu tư & Danh mục Đầu tư:
 - Tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh và đầu tư mới.
 - Thực hiện thẩm định đầu tư, khả thi tài chính, phân tích đầu tư, kế hoạch thoái vốn và các mục khác.
 - Chuẩn bị và trình các cơ hội đầu tư cho Ban điều hành, HĐQT và hội đồng đầu tư.
 - Giám sát kết quả hoạt động của công ty con và công ty liên kết.
 - Đề xuất cho Ban điều hành chính sách và cơ cấu đầu tư, đối chiếu mục tiêu và đầu tư thực tế, cân đối rủi ro và kết quả hoạt động.
- Phòng Giám sát và báo cáo tài chính:
 - Thiết lập và theo dõi các chỉ tiêu hoạt động của công ty (KPIs)
 - Quản lý chi phí đầu tư / khoản đầu tư liên quan đến các cơ hội đầu tư
 - Phòng Kiểm soát và Báo cáo Tài chính:
 - Hỗ trợ Ban điều hành giám sát kết quả kinh doanh và tài chính của công ty mẹ và các công ty con.
 - Giám sát việc sử dụng ngân sách của công ty mẹ và các công ty con.
 - Cung cấp phân tích kết quả kinh doanh của công ty mẹ và các công ty con:
 - Các yếu tố ảnh hưởng doanh thu và chi phí
 - Các thử thách và kế hoạch ứng phó

- Chuẩn bị các báo cáo nội bộ
 - Báo cáo hàng tháng cho Ban điều hành
 - Báo cáo quý cho HĐQT
- Hỗ trợ Ban kiểm soát theo dõi cơ chế giám sát nội bộ của công ty mẹ và các công ty con.

4. Cơ cấu cổ đông**4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 22/03/2019**

- **Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần Sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, Số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	32.654.750	50,61%
2	Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd.	38 Beach Road, #29-11 South Beach Tower, Singapore 189767	24.516.000	38,00%
3	VIAC (No.1) Limited Partnership	24 Raffles Place #22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	10,90%

Nguồn: SII

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 119 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3 Cơ cấu sở hữu (tính đến ngày 22/03/2019)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	Cổ đông trong nước	157	32.927.960	51,04%
	<i>Cá nhân</i>	151	200.300	0,31%
	<i>Tổ chức</i>	6	32.727.660	50,73%
2	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
3	Cổ đông nước ngoài	16	31.588.040	48,96%

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
	Cá nhân	10	22.320	0,03%
	Tổ chức	6	31.565.720	48,93%
	Tổng cộng	173	64.516.000	100%

Nguồn: SII

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

5.1 Danh sách những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKDN	Ngành nghề chính	Tỷ lệ sở hữu tại SII
1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, Số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	0302483177 do Sở KHĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 24/12/2001, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 10/11/2017	Đầu tư xây dựng các công trình theo hình thức hợp đồng: xây dựng – kinh doanh – chuyển giao công trình B.O.T, xây dựng – chuyển giao công trình B.T, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư	50,61%

5.2 Danh sách những công ty mà Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKDN	Ngành nghề chính	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia	Nhà máy nước sạch Dankia 2, Xã Lát, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	5800916256, do Sở KHĐT Tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 16/06/2010, cấp thay đổi lần 4 ngày 05/06/2013	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	90%
2	CTCP Kỹ thuật Enviro	429 Đường Đất Mới, Khu phố 5, Phường Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam	0304504344, do Sở KHĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 14/08/2006, cấp thay đổi lần 4 ngày 21/02/2011	Mua bán, lắp đặt máy móc – thiết bị điều khiển – đo lường Mua bán thiết bị cấp – thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải – môi trường.	85%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKDN	Ngành nghề chính	Tỷ lệ sở hữu
3	CTCP Cấp nước Sài Gòn – Pleiku	86 Phó Đức Chính, Xã Biển Hồ, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	5900660255, do Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 07/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày 06/05/2016	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	55%
4	Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM, Việt Nam	0313303884, do Sở KHĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 15/06/2015, cấp thay đổi lần 3 ngày 25/03/2017	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	50,98%
5	CTCP Giải pháp mạng nước Châu Á	Số 18, Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	0313243787, do Sở KHĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 24/04/2015, cấp thay đổi lần 1 ngày 07/09/2015	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước	51%
6	CTCP Nước Sài Gòn – An Khê	08 Ngô Mây, Phường An Tân, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	5901039114, do Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/06/2016	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	51%
7	CTCP Cấp nước Gia Lai	02 Trần Hưng Đạo, Phường Hội Thương, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	5900189614, do Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 01/11/2016, cấp thay đổi lần 3 ngày 24/08/2017	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	51%
8	Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM, Việt Nam	0314177329, do Sở KHĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 03/01/2017	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, tư vấn kế toán, kiểm toán và tư vấn thuế)	100%

5.3 Danh sách những công ty liên doanh liên kết với Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn:

TT	Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn trên vốn điều lệ	Vốn thực góp đến 30/09/2019 (tỷ đồng)
1	CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	240	43%	103,20

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án triển khai, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến kiểm toán
07/10/2004	230.000.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2004/NQ-HĐCĐ-VT ngày 07/10/2004	
22/02/2010	2.220.000.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01B/2010/NQ-HĐCĐ-VT ngày 22/02/2010	
29/04/2010	3.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01A/2010/QĐ ngày 28/04/2010	
01/06/2010	394.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2010	
08/10/2013	183.700.000.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2013, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT-2013 ngày 16/08/2013, Công văn chấp thuận của UBCK số 5585/UBCK-QLPH ngày 05/09/2013	
21/06/2017	61.460.000.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW ngày 25/05/2017, Công văn chấp thuận của UBCK số 3523/UBCK-QLCB ngày 01/06/2017	Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý

Lần 1: Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2004/NQ-HĐCĐ-VT ngày 07/10/2004, Công ty phát hành 230 triệu đồng để tăng vốn điều lệ từ 550.000.000 đồng lên 780.000.000 đồng. Đối tượng phát hành là các đối tác chiến lược. Thời điểm phát hành từ ngày 07/10/2004.

Lần 2: Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01B/2010/NQ-HĐCĐ-VT ngày 22/02/2010, Công ty phát hành 2,22 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ từ 780.000.000 đồng lên 3.000.000.000 đồng. Đối tượng phát hành là các đối tác chiến lược. Thời điểm phát hành từ ngày 22/02/2010.

Lần 3: Theo Quyết định ĐHCĐ số 01A/2010/QĐ ngày 28/04/2010, Công ty phát hành 3 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 6.000.000.000 đồng. Đối tượng phát hành là các đối tác chiến lược. Thời điểm phát hành 29/04/2010.

Lần 4: Theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường số 03/2009/QĐ ngày 21/05/2010, Công ty phát hành 394 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ từ 6.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Thời điểm phát hành 01/06/2010.

Lần 5: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2013, Công ty phát hành 183,70 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 583.700.000.000 đồng. Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Thời điểm phát hành 08/10/2013.

Lần 6: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Công ty phát hành 61,46 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ từ 583.700.000.000 đồng lên 645.160.000.000 đồng. Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Thời điểm phát hành 21/06/2017.

7. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực hạ tầng môi trường với mục tiêu như sau:

– Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”



– Sứ mệnh

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

– Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội:

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thị Việt Nam. Hơn nữa, tỷ lệ thất thoát nước sạch trong ngành cấp nước Việt Nam còn ở mức cao (40- 50%). Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, khoảng 1,5 tỷ m³ nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành (120 triệu m³ được xử lý hàng năm). Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm:

- Doanh thu**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Doanh thu	2017		2018		9T/2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị ngành nước, xử lý môi trường	158.050	56,5%	89.281	36,6%	9.097	6,7%
2	Doanh thu cung cấp nước sạch	116.670	41,7%	137.865	56,5%	124.170	91,5%
3	Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	5.137	1,8%	16.919	6,9%	2.375	1,8%
Tổng doanh thu		279.857	100,0%	244.065	100,0%	135.642	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

Trong năm 2017, doanh thu dịch vụ cung cấp, lắp đặt đạt hơn 158 tỷ đồng, giảm hơn 16% so với 2016, nguyên nhân chủ yếu là doanh thu từ các hợp đồng cung cấp vật tư và dịch vụ của Enviro giảm sút do khối lượng và giá trị công trình của Giai đoạn 2 Dự án Củ Chi giảm so với 2016. Doanh thu cung cấp nước sạch tiếp tục tăng đáng kể, đạt gần 117 tỷ đồng, tăng gần 74% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Cấp nước Gia Lai vào Công ty SII khiến doanh thu và chi phí tăng mạnh. Bên cạnh đó, đối với Dự án Củ Chi, lượng tiêu thụ của khách hàng cũng tăng gần 3 lần so với cuối năm 2016.

Trong năm 2018, doanh thu dịch vụ cung cấp, lắp đặt tiếp tục giảm mạnh khi doanh thu xây lắp của Enviro giảm mạnh 56% so với năm 2017, chủ yếu do chưa hoàn tất công tác nghiệm thu tại một số dự án. Doanh thu cung cấp nước sạch tăng hơn 18% chủ yếu do sản lượng ghi thu của các công ty con và dự án đều tăng, trong đó lượng nước ghi thu của Dự án Củ Chi tăng gấp 1,7 lần năm 2017.

Doanh thu cung cấp nước sạch trong 09 tháng đầu năm 2019 tăng hơn 23% so với cùng kỳ năm 2018, trong khi doanh thu xây lắp và tư vấn đều giảm đáng kể so với cùng kỳ (lần lượt là 90% và 23%) khiến doanh thu 9 tháng năm 2019 giảm gần 32% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty không thực hiện nhiều công tác đầu tư, xây lắp cũng như các hợp đồng dịch vụ, tư vấn như những năm trước.

- Chi phí sản xuất kinh doanh:** Các yếu tố chi phí chính của Công ty qua các năm được thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi phí	2017		2018		9T/2019	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	288.750	103,2%	261.257	107,0%	162.273	119,6%
2	Chi phí tài chính	111.514	39,8%	110.318	45,2%	82.688	61,0%
3	Chi phí bán hàng	8.391	3,0%	12.419	5,1%	9.359	6,9%
4	Chi phí quản lý	53.964	19,3%	71.509	29,3%	38.302	28,2%
Tổng chi phí		462.620	165,3%	455.501	186,6%	292.622	215,7%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

Giá vốn hàng bán của Công ty chủ yếu gồm chi phí nguyên vật liệu sản xuất và kinh doanh; bên cạnh đó chi phí khấu hao cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán của Công ty chiếm tỷ trọng 103,2% năm 2017 và 107% năm 2018.

Chi phí tài chính chủ yếu gồm chi phí lãi vay, chiếm 39,8% trong doanh thu năm 2017 và 45,2% doanh thu năm 2018. Chi phí tăng mạnh từ năm 2017 chủ yếu do các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Dự án Củ Chi Giai đoạn 1 đã hoàn thành thi công xây dựng nên chi phí lãi vay của khoản vay để thực hiện Dự án Củ Chi Giai đoạn 1 không còn được vốn hóa mà ghi nhận toàn bộ thành chi phí lãi vay trong kỳ; và (2) Công ty có phát sinh thêm 1 số khoản vay mới, trong đó đáng kể nhất khoản trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) và khoản vay đầu tư Dự án Củ Chi Giai đoạn 2 khoảng 183 tỷ.

Chi phí quản lý và bán hàng chiếm 22,3% năm 2017 và 34,4% năm 2018. Nguyên nhân tăng trong năm 2017 là do việc ghi nhận chi phí từ Dự án Củ Chi và CTCP Cấp thoát nước Gia Lai. Năm 2018, dự án An Khê chính thức đi vào hoạt động, các chi phí khấu hao và lãi vay (khoảng 14 tỷ) không còn được vốn hóa từ tháng 7/2018, khiến chi phí giá vốn, chi phí lãi vay và chi phí quản lý của Công ty Saigon – An Khê đều tăng so với năm 2017.

So với cùng kỳ năm 2018, trong 09 tháng năm 2019, chi phí tài chính tăng nhẹ khoảng 1,5% do tác động của tình hình thị trường, chi phí bán hàng cũng tăng gần 8% khi công ty tiếp tục thực hiện các chương trình, hoạt động nhằm thúc đẩy khách hàng tăng sử dụng nước. Tuy nhiên với việc các chi phí giá vốn và chi phí quản lý đều giảm (lần lượt là 20% và 13%) do công ty thực hiện việc tiết giảm chi phí hiệu quả, tổng chi phí hoạt động giảm khoảng 13% so với cùng kỳ năm trước.

• Trình độ công nghệ

Công ty Enviro được biết đến trong ngành cấp nước Việt Nam với nhiều đột phá về công nghệ và ứng dụng mới. Đặc biệt, giải pháp công nghệ của Enviro đã được chấp nhận và ứng dụng cho nhiều dự án đầu tư mới, đầu tư cải tạo, mang lại hiệu quả cao cho người sử dụng với giá thành đầu tư cạnh tranh như các dự án: Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Tóc Tiên (Bà Rịa – Vũng Tàu), Xây dựng mới nhà máy nước Quảng Tế 2 (Huế), Nhà máy nước Đankia 2 (Đà Lạt), Cải tạo hệ thống điều khiển 20 bể lọc Nhà máy nước Thủ Đức,... mà các dự án tương tự trước đây thông thường sẽ do các nhà công nghệ nước ngoài cung cấp. Ngoài ra, Enviro còn tự hào là đơn vị trong nước đầu

tiên thiết kế, chế tạo, lập trình và vận hành các hệ thống điều khiển, giám sát và lưu trữ dữ liệu trung tâm và từ xa (SCADA) cho ngành cấp thoát nước Việt Nam. Bên cạnh các giải pháp công nghệ hiện có, Enviro còn là đối tác kinh doanh để phát triển công nghệ và ứng dụng xử lý nước thải (XLNT) tại Việt Nam của Công ty Xylem, một tập đoàn đa quốc gia có niềm yết tại thị trường chứng khoán New York. Giải pháp công nghệ này đang được sử dụng tại dự án nhà máy XLNT Nam Bình Dương và được lựa chọn thiết kế cho nhiều nhà máy khác như: nhà máy XLNT Chùa Thầy Thỏ (Bình Dương), nhà máy XLNT thị xã Lái Thiêu, nhà máy XLNT thị trấn Long Đất, nhà máy XLNT TP. Biên Hòa...

7.2 Tình hình đầu tư phát triển một số dự án tiêu biểu của Công ty

❖ Dự án “Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi”

Dự án được triển khai thi công vào Quý 3/2015, với mục đích xây dựng mạng lưới tuyến ống chuyển tải và phân phối để cung cấp nước sạch cho các đối tượng khách hàng là các hộ dân cư, Cơ quan hành chính sự nghiệp đoàn thể, đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn huyện Củ Chi. Tổng vốn đầu tư Dự án hơn 2.600 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm kết thúc Giai đoạn 2 của Dự án vào ngày 31/03/2017, Công ty đã thực hiện các công tác lắp đặt mạng lưới tuyến ống chuyển tải và phân phối nước sạch, cải tạo và nâng cấp các trạm cấp nước tại các xã, lắp đặt các bồn nước tạm thời và đồng hồ tổng tại thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận ở Huyện Củ Chi.

❖ Dự án “Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và các vùng phụ cận Gia Lai, công suất 9.500 m³/ngày đêm”

Dự án do Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê là công ty thành viên của SII làm chủ đầu tư. Dự án được thực hiện tại Thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai nhằm cải tạo, sửa chữa ống bể, lắp đặt mới khoảng 600 đồng hồ nước và thay thế 200 đồng hồ cũ đã hư hỏng nhằm cung cấp nước tới các hộ dân trên địa bàn thị xã đáp ứng được nhu cầu đang rất cấp bách của nhân dân và giảm thất thoát nước trên mạng lưới, đồng thời xây dựng nhà máy mới với công nghệ hiện đại, nâng công suất nhà máy nhằm đáp ứng được nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của thị xã trong tương lai theo thực tế, bám sát quy hoạch và định hướng phát triển của thị xã đến năm 2020 và tầm nhìn 2050.

Dự án có tổng mức đầu tư hơn 160 tỷ đồng, đã đi vào hoạt động vào giữa tháng 07/2018.

7.3 Hoạt động Marketing

• Quảng bá thương hiệu

Mặc dù thương hiệu SII đã quen thuộc trên thị trường nhưng lãnh đạo và cán bộ công nhân viên SII vẫn không ngừng đầu tư cho hoạt động phát triển thương hiệu. Công ty có bộ phận Marketing để chuyên trách các hoạt động marketing. Công ty đã và đang triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu sau:

- Cập nhật và quảng bá thông tin về sản phẩm trên trang web của Công ty;

- Cung cấp thông tin, giới thiệu hình ảnh các dự án của Công ty với báo chí;
- Phát hành các catalogue, brochure, quảng bá sản phẩm của Công ty;
- Tham gia tích cực hoặc đóng góp các hoạt động từ thiện xã hội.

• **Chiến lược sản phẩm, dịch vụ**

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



❖ **Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)**

- o Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- o Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- o Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

❖ **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- o Tiếp tục phát triển thị trường với các giải pháp công nghệ mới cho các lĩnh vực xử lý nước sạch, xử lý nước thải đô thị như: UV, tự động hóa, thiết bị quản lý và kiểm soát rò rỉ, thiết bị dò tìm rò rỉ thông qua chính sách “Free Engineering”
- o Phát triển và tăng cường sự hiện diện của các thiết bị và hệ thống do Enviro nghiên cứu, sản xuất.

- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao từ Hoa Kỳ.
- ❖ **Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước**
 - Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
 - Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.
- **Địa bàn hoạt động**
 - Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác như Lâm Đồng, Gia Lai, Cần Thơ.
 - Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.
- **Công tác quan hệ khách hàng**

Để ngày càng hoàn thiện hơn nữa về công tác bán hàng và cung cấp các dịch vụ tư vấn có chất lượng cho khách hàng, SII đã thực hiện nhiều cuộc khảo sát và lấy ý kiến đóng góp của khách hàng trên quy mô lớn. Những ý kiến phản hồi của khách hàng đã giúp Công ty xây dựng và hoàn thiện các chính sách về bán hàng, phân phối sản phẩm cũng như việc nắm bắt các nhu cầu đa dạng của khách hàng đối với các sản phẩm và dịch vụ của Công ty để từ đó có những chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của thị trường trong những năm qua. Và Công ty SII cũng xác định công tác quan hệ khách hàng là một trong những hoạt động mang tính chiến lược nhằm duy trì sự ổn định, tăng trưởng và phát triển của công ty trong tương lai.

7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:



Đã đăng ký và được Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 234951 cấp ngày 17 tháng 5 năm 2013.

Ý nghĩa:

Tổng thể Biểu tượng Logo nằm trong một hình cầu-tròn (hình dạng nguyên thủy của nước) và được cấu thành bởi hai giọt nước cách điệu. Hình cầu tròn tượng trưng cho tính toàn diện, tính tổng thể như thông điệp của Saigon Water - “cung cấp giải pháp toàn diện”. Hình cầu tròn cũng tượng trưng cho Địa cầu - thể hiện tầm nhìn vươn ra thế giới của Thương hiệu. Hai vệt màu bên ngoài tượng trưng hai cánh tay ôm lấy Địa cầu, thể hiện cam kết phát triển bền vững, giữ gìn và cung cấp nguồn nước sạch cho con người, mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng.

Trung tâm Biểu tượng là chữ S được tạo thành bởi hai giọt nước đang chuyển động. Chữ S là viết tắt của Saigon, của Solution (giải pháp) và cũng tượng trưng cho hình dáng đất nước Việt Nam - thị trường chủ lực của Saigon Water. Hình dáng hai giọt nước đang chuyển động thể hiện tính uyển chuyển, linh hoạt và sự phát triển liên tục của Thương hiệu.

Màu chủ đạo của Logo là Xanh dương - thuộc hành Thủy trong Ngũ hành - đặc trưng ngành kinh doanh (Nước), đồng thời tượng trưng cho sự Tin cậy - Bền vững. Màu Xanh lá tượng trưng cho mầm sống, cho sự Phát triển và Tương lai.

7.5 Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (nêu tên, trị giá, thời điểm ký kết, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Số hợp đồng	Trị giá hợp đồng	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ
1	01-01/HĐ-MBNS	Sản lượng hiện tại là 25.400 m ³ /ngày và giá bán là 5.896 VND/m ³	30/12/2010	Thời điểm hết hiệu lực: không xác định	Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng	Nước sạch
2	01/SGPK-HĐBS	Sản lượng hiện tại là 8.400 m ³ /ngày và giá bán là 4.634 VND/m ³	30/12/2010	Thời điểm hết hiệu lực: không xác định	CTCP Cấp nước Gia Lai	Nước sạch
3	128/HĐ-ĐTKTTL	Mức thu tiền sử dụng nước thô: 900 đồng/m ³	14/07/2017	Thời điểm hết hiệu lực: không xác định	Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	CTCP Cấp nước Sài Gòn – Đan Kìa mua nước thô từ đối tác

Nguồn: SII

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017		31/12/2018		30/09/2019	
	Giá trị	% tăng giảm với cùng kỳ	Giá trị	% tăng giảm với cùng kỳ	Giá trị	% tăng giảm với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	3.246.814	-5,6%	3.075.091	-5,3%	2.897.103	-5,8%
Doanh thu thuần	279.846	8,9%	244.065	-12,8%	135.642	-31,6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-139.139	-501,0%	-136.358	-2,0%	(109.499)	41,4%
Lợi nhuận khác	175.031	24.340,6%	192.036	9,7%	152.311	1,3%
Lợi nhuận trước thuế	35.892	5,6%	55.678	55,1%	42.812	-41,3%
Lợi nhuận sau thuế	33.035	9,8%	28.299	-14,3%	28.044	-46,8%
Tỷ lệ cổ tức đã chi trả	0%		0%		0%	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Những nhân tố thuận lợi

Năm 2017

- Trong năm 2017, Công ty tập trung vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty con thông qua việc xem xét nghiên cứu phát triển nhu cầu tiêu dùng và năng lực cung cấp sản phẩm dịch vụ của các công ty con, đồng thời cải thiện và nâng cao năng lực tài chính của Công ty mẹ và các công ty con để đảm bảo nhu cầu vốn. Công ty cũng tiếp tục thực hiện và duy trì các khoản đầu tư mang lại hiệu quả tốt và xem xét thoái vốn các dự án bị đình trệ không có khả năng phát triển xa hơn.
- Một vài nhân tố thuận lợi đã hỗ trợ Công ty trong việc thực hiện kế hoạch năm 2017 có thể kể ra như:
 - ✓ Nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng tăng, người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn Củ Chi dần thay đổi thói quen sử dụng nước ngầm sang sử dụng nước sạch do Công ty cung cấp.
 - ✓ Quan hệ với các tổ chức tín dụng uy tín được thiết lập và củng cố, giúp Công ty mẹ và các công ty con chủ động, linh hoạt hơn trong các quyết định tài chính của mình, đồng thời đảm bảo cấp đủ vốn, kịp tiến độ thi công, đầu tư. Ngoài ra, yếu tố đặc thù của ngành cũng giúp Công ty có thể tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi, giúp tăng hiệu quả

đầu tư và hoạt động.

- ✓ Sự quan tâm và ủng hộ của các cấp chính quyền tại địa phương giúp Công ty triển khai được các kế hoạch đầu tư và kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án.

Năm 2018

- Công ty tập trung vào các hoạt động chính như: rà soát các chiến lược tái cơ cấu vốn và quản lý dòng tiền, đảm bảo nguồn vốn cho kế hoạch hoạt động và đầu tư của Công ty mẹ và các công ty con, nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện tình hình tài chính của Dự án Củ Chi, xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển chi tiết cho các công ty con, đánh giá danh mục đầu tư của Công ty mẹ.
- Một số nhân tố thuận lợi trong hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:
 - ✓ Việc thoái vốn khỏi các khoản đầu tư thiếu hiệu quả diễn ra thuận lợi, mang lại nhiều giá trị cho Công ty;
 - ✓ Khoản đầu tư quan trọng của Công ty – Dự án Tân Hiệp đã vận hành ổn định.
 - ✓ Bên cạnh đó, ngoại trừ Dự án Củ Chi và CTCP Giải pháp Mạng nước Châu Á, các công ty và dự án khác đều có doanh thu hoạt động đủ trang trải các chi phí vận hành.

09 tháng năm 2019

- Công ty tập trung vào việc cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án và công ty thành viên, bao gồm các hoạt động chính như: triển khai hệ thống quản lý mới cho một vài công ty/dự án, kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động tại các công ty thành viên, nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện tình hình tài chính của Dự án Củ Chi, đánh giá danh mục đầu tư của Công ty mẹ.
- Một số nhân tố thuận lợi trong hoạt động kinh doanh 9 tháng năm 2019 như sau:
 - ✓ Khoản đầu tư quan trọng của Công ty – Dự án Tân Hiệp vận hành ổn định, lợi nhuận đạt mức tăng trưởng ấn tượng 450% so với cùng kỳ năm trước.
 - ✓ Hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên được cải thiện: sản lượng của dự án Củ Chi tăng 38% so với cùng kỳ vào cao hơn 3% so với kế hoạch, nhiều công ty đã được phê duyệt tăng giá bán, có cơ hội phát triển, mở rộng mạng lưới.

b. Những nhân tố khó khăn**Năm 2017**

Các nhân tố khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm 2017 gồm có:

- ✓ Nhu cầu sử dụng nước của khách hàng tuy có tăng nhưng vẫn còn thấp hơn kỳ vọng, trong khi phải chịu toàn bộ các chi phí lãi vay và khấu hao.

- ✓ Nhiều hợp đồng cung cấp dịch vụ trong kế hoạch vẫn chưa được thực hiện, hoặc được thực hiện nhưng chưa được ghi nhận.
- ✓ Tỷ lệ thất thoát thất thu nước ở một số địa phương còn cao, một số địa phương tỷ lệ thất thoát nước lên đến hơn 50%.

Năm 2018

Bên cạnh các thách thức trong năm 2017 (nhu cầu sử dụng nước chưa cao, một số hợp đồng dịch vụ chưa được thực hiện, tỷ lệ thất thoát nước ở một số địa phương còn cao), các nhân tố khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm 2018 gồm có:

- ✓ Việc áp dụng cách tính thuế TNDN của nghị định 20 khiến chi phí thuế TNDN tăng so với năm trước, giảm lợi nhuận ròng.
- ✓ Công tác nghiệm thu một số công trình của Enviro khiến doanh thu giảm so với kế hoạch.
- ✓ Công tác xin tăng giá cung cấp nước tại một số địa phương hoàn thành chậm hơn so với dự kiến trong kế hoạch.
- ✓ Chi phí lãi vay ở một số dự án/công ty thành viên tăng.
- ✓ Một số dự án vẫn trong quá trình hoàn thiện, doanh thu ghi nhận chưa nhiều.

09 tháng năm 2019

- Trong 9 tháng năm 2019, Công ty vẫn đang đối mặt với các khó khăn, thách thức sau:
 - ✓ Tình hình thị trường tài chính bất lợi khi lãi suất tăng dẫn đến chi phí tài chính tăng.
 - ✓ Việc chuyển đổi từ sử dụng nước ngầm sang sử dụng nước do Công ty cung cấp còn chậm.
 - ✓ Giá bán lẻ của dự án Củ Chi vẫn thấp hơn kế hoạch do chủ trương tăng giá nước của SAWACO chưa được Thành phố phê duyệt trong thời gian này.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**9.1 Vị thế của công ty trong ngành**

Công ty đang xây dựng một vị trí tiên phong trong việc đầu tư, phát triển các dự án hạ tầng thuộc lĩnh vực môi trường như: xử lý nước sạch, xử lý nước thải, xử lý rác thải, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu mà hiện nay chưa có một công ty trong nước nào đủ điều kiện thực hiện, ngoại trừ một số nhà đối thủ cạnh tranh lớn từ nước ngoài như: Veolia, Lyonnaise Des Eaux v.v.

Vị thế của Công ty có thể được xác định qua việc so sánh và phân tích cụ thể như sau:

– Trong lĩnh vực môi trường, đặc biệt là lĩnh vực môi trường nước, đa số các công ty hoạt động theo mô hình “tư vấn thiết kế” hoặc “xây dựng” đơn thuần. Chưa có một công ty nào hoạt động theo mô hình chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ, cơ điện cho ngành kỹ thuật môi trường. Công ty sở hữu một đội ngũ kỹ sư có chuyên môn cao, hiểu biết nhiều ứng dụng và có nhiều kinh nghiệm trong việc thiết

kế, chế tạo, lắp đặt và vận hành các giải pháp công nghệ, hệ thống tự động hóa chuyên ngành (không thi công xây dựng) một cách đồng bộ. Điều này được minh chứng bởi các hợp đồng mà Công ty đã thực hiện cho các khách hàng như: Công ty SC5, Công ty Gelexim, Công ty XD Cấp Thoát Nước Thừa Thiên - Huế v.v.

– Công ty chỉ tập trung và phát triển chuyên sâu vào dịch vụ công nghệ, cơ điện cho riêng lĩnh vực môi trường. Với đội ngũ nhân viên có chuyên môn, bộ máy quản lý tinh gọn, tạo ra sức cạnh tranh tốt cho công ty.

– Có mối quan hệ tốt và xây dựng được uy tín với các khách hàng trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường tại Việt nam. Điều này thể hiện qua nhiều công trình (cung cấp thiết bị, dịch vụ cho các nhà máy xử lý nước) mà công ty đã thực hiện từ 5 năm qua trên địa bàn toàn quốc như: Công ty Kinh Doanh Nước Sạch Hà Nội, Công ty Cấp Nước Thái Nguyên, Công ty Cấp Nước Bình Dương, Công ty Cấp Nước Thừa Thiên – Huế, Công ty Cấp Nước Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Môi trường Phan Rang – Tháp Chàm, Công ty Gelexim, Công ty Cấp Nước Bà Rịa – Vũng tàu, Công ty SC5, Công ty Salcon Engineering, Công ty Hyundai ROTEM v.v.

– Công ty cũng đã thiết lập quan hệ đối tác tốt với nhiều đơn vị tổng thầu trong lĩnh vực này như: SWING Corporation (Nhật), Kobelco Eco Solutions (Nhật), Taeyoung E&C (Hàn Quốc), Kolon Global (Hàn Quốc), Công ty SC5 (Việt nam), Công ty VIWASEEN (Việt nam).

– Sự khác biệt lớn mà Công ty đã tạo ra chính là quan hệ đối tác với một số ít nhà sản xuất thiết bị chuyên ngành môi trường lớn nhất trên thế giới để tích hợp thành công cho các ứng dụng tại Việt nam như tập đoàn Xylem (trước đây là tập đoàn ITT) của Hoa Kỳ chuyên sản xuất thiết bị ngành bơm (Flygt) cho ngành nước, nước thải, thiết bị xử lý nước sạch (FB Leopold), thiết bị xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học (Sanitaires), thiết bị khử trùng than thiện môi trường bằng UV (Wedeco); Công ty Primayer (Vương Quốc Anh) cho ngành sản xuất thiết bị quản lý mạng cấp nước, thiết bị dò tìm rò rỉ đường ống v.v.

Với sự kết hợp giữa khả năng tài chính và bí quyết công nghệ, Công ty đã tạo dựng một tổ chức có tiềm lực tài chính tốt hơn cho việc cạnh tranh trong thị trường dịch vụ so với các công ty thương mại khác hay đối với các nhà thầu xây dựng chuyên ngành. Hơn thế nữa, bằng năng lực tài chính tốt, công ty có rất nhiều điều kiện để phát triển và đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực môi trường.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Đi đôi với sự phát triển công nghiệp, sự ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng trong các nước đang phát triển. Hiện nay, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thị Việt nam và hiện tại, khoảng 3,5 triệu m³/ngày đang được xử lý và cung cấp. Tuy nhiên, nhu cầu để nâng cao năng lực cấp nước cho các đô thị còn là một vấn đề nan giải cho hầu hết các công ty cấp cấp nước trên toàn Việt nam. Ngoài ra,

tỷ lệ thất thoát nước sạch (nước không doanh thu NRW) trong ngành cấp nước Việt nam từ 40-50%. Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, không hiệu quả.

Theo đó, hàng năm, có khoảng 1,5 tỷ m³ nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành. Tổng khối lượng nước thải đang được các nhà máy vận hành, xử lý khoảng 320.000 m³/ngày. Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, theo định hướng và quy hoạch, thành phố cần đầu tư và xây dựng với 12 trung tâm xử lý nước thải gồm 17 nhà máy. Hiện tại, chỉ có 2 nhà máy đã đi vào vận hành. Các dự án còn lại đang trong các giai đoạn thiết kế, dự án hoặc nghiên cứu. Đây là một triển vọng kinh doanh lớn cho Công ty trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chính sách quản lý của Nhà nước Việt nam, sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam cam kết sẽ mở cửa thị trường dịch vụ môi trường ở 5 phân ngành trong WTO (Dịch vụ xử lý nước thải, Dịch vụ xử lý rác thải, Dịch vụ làm sạch khí thải, Dịch vụ xử lý tiếng ồn, Dịch vụ đánh giá tác động của môi trường). Vì vậy, sự phát triển dịch vụ môi trường đang mở ra cơ hội cho các nhà đầu tư như SII.

Trên thực tế đã phân tích, sự phát triển trong lĩnh vực dịch vụ môi trường ở nước ta chưa theo kịp với nhu cầu phát triển, chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nên năng lực cung cấp dịch vụ và chất lượng dịch vụ còn thấp, khu vực tư nhân tham gia chưa nhiều.

Đối với các định chế tài chính quốc tế như: ADB, WB, AFD, JICA v.v. đang hỗ trợ rất nhiều cho chính phủ Việt nam trong việc đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng để thực hiện các dự án vệ sinh và cải thiện môi trường bằng các thỏa thuận cho vay vốn, đầu tư phát triển các dịch vụ công (dịch vụ O&M) cũng như khuyến khích phát triển mô hình hợp tác công tư (PPP).

Đây là những cơ hội lớn đã mở ra cho Công ty một triển vọng phát triển tốt trong lĩnh vực môi trường với kỳ vọng lợi nhuận mang lại từ những dự án này sẽ khá lớn, ổn định và lâu dài.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với định hướng phát triển hoạt động chính của Công ty trong thời gian tới là tập trung vào lĩnh vực hạ tầng – đặc biệt là lĩnh vực môi trường. Trong đó, trọng tâm hoạt động của công ty gồm ba mảng:

- Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường
- Dịch vụ kỹ thuật môi trường
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) trong lĩnh vực môi trường

Như đã phân tích ở phần trên, tại Việt nam và các nước đang phát triển, nhu cầu về phát triển hạ tầng, đặc biệt lĩnh vực môi trường đang và sẽ trở thành một nhu cầu cấp bách và là một nhu cầu rất lớn về quy mô và tiến độ. Từ đó, mở ra một thị trường đầy hấp dẫn cho các nhà đầu tư có chuyên môn và tiềm lực tài chính.

Với xu hướng hội nhập kinh tế, Chính phủ Việt nam đã có những quyết sách đúng đắn trong việc quan tâm đến vấn đề cải thiện môi trường sống, để đảm bảo quá trình phát triển bền vững cho nền kinh tế. Hơn nữa, đây cũng là những cam kết của Việt nam khi gia nhập WTO.

Với điều kiện thuận lợi về thị trường, sự mạnh nội lực và chính sách nhất quán của Chính phủ Việt nam, thì định hướng phát triển của Công ty là rất phù hợp, với nhiều cơ hội tốt trong trong thời gian tới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Tổng số lao động tại ngày 30/09/2019 và cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	30/09/2019
Tổng số lao động	134	146	152	143
<i>Trong đó</i>				
• Trên đại học	08	09	07	07
• Đại học	50	43	50	42
• Cao đẳng	29	17	19	18
• Trung cấp và chưa qua đào tạo	47	77	76	76

Nguồn: SII

10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:

- Buổi sáng: từ 8 giờ đến 12 giờ.
- Buổi chiều: từ 13 giờ đến 17 giờ.
- Ngày nghỉ hàng tuần: chiều thứ bảy và chủ nhật.
- Thời gian làm việc hàng ngày được giảm 1 giờ cho phụ nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, kể cả con nuôi hợp pháp, và giảm 2 giờ cho phụ nữ sinh đôi.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:

- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Tùy theo thời gian công tác trong năm, người lao động được hưởng số ngày phép tương ứng, mỗi tháng công tác được hưởng 1 ngày phép. Số ngày nghỉ hàng năm được tăng theo thâm niên làm việc tại cơ quan, cứ đủ 3 năm được tăng thêm 1 ngày.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết có thể lên đến 15 ngày/năm, nhưng tối thiểu cũng theo quy định của Luật Lao động.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạoTuyển dụng:

Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ, cho phép nhân viên nộp đơn vào những vị trí mà Công ty đang có nhu cầu nếu thấy năng lực của họ phù hợp nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến. Công ty đưa ra chính sách đào tạo phù hợp cho những nhân viên tiềm năng hoặc nâng cao hơn nữa năng lực của các nhân viên giỏi, xuất sắc.

Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển, nguồn nội bộ hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty.

Đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.

Đối với nhân viên mới, Công ty có chương trình đào tạo nội bộ về nội quy lao động, An toàn lao động, quy định, chính sách của Công ty, giới thiệu về các hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty, đào tạo kiến thức ISO và đào tạo chuyên môn để nhân viên mới mau chóng hòa nhập vào công việc. Nhân viên nghiệp vụ đều được đào tạo chuyên môn và kỹ năng chung theo yêu cầu của từng phòng ban và từng giai đoạn phát triển của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khuyến khích nhân viên tự đào tạo nâng cao trình độ bằng cách hỗ trợ kinh phí hoặc thời gian cho cán bộ công nhân viên tham gia các đợt tập huấn, các khóa học.

c. Chính sách lương, thưởng và phúc lợiChính sách lương:

Công ty tính và trả lương theo thời gian. Ngoài tiền lương theo hợp đồng, Công ty còn trả lương theo hiệu quả công việc và các khoản phụ cấp như phụ cấp cơm trưa, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp điện thoại và phụ cấp đi lại. Nếu làm việc tăng giờ, nhân viên được hưởng thêm lương tăng giờ. Tăng giờ cho ngày thường là 150% và tăng giờ cho ngày lễ, chủ nhật là 200%-300%.

Chính sách thưởng:

Công ty có chính sách thưởng tết Dương lịch, thưởng lễ 30/4, thưởng lễ 2/9, thưởng cuối năm và thưởng thành tích cá nhân cuối năm. Căn cứ tính thưởng là thâm niên làm việc, hệ số chức vụ và kết quả đánh giá công việc hàng tháng.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ phúc lợi, các chế độ về thai sản, bảo hiểm tai nạn lao động, ... theo Luật lao động. Ngoài ra, hàng năm tùy theo tình hình kinh doanh, Công ty có thể tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, tham quan du lịch trong và ngoài nước.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Hội đồng quản trị Công ty phải xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ phù hợp với điều lệ của Công ty để trình các Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng Quản trị cần nhắc xem xét các kế hoạch kinh doanh trong các năm tới để tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo công ty phát triển nhanh và bền vững.

Công ty không chia cổ tức trong các năm vừa qua.

12. Tình hình tài chính**12.1 Các chỉ tiêu cơ bản****□ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng**

Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Vốn điều lệ	645.160	645.160	645.160
Vốn chủ sở hữu	1.514.788	1.546.387	1.572.412
Tổng nguồn vốn kinh doanh	3.246.814	3.075.091	2.897.103

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty triệt để sử dụng một cách hợp lý cho các hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư xây dựng các dự án hiện tại.

□ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 10 - 40 năm
- Máy móc thiết bị : 03 - 20 năm
- Phương tiện vận chuyển truyền dẫn: 06 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 - 08 năm

□ Mức thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân hiện tại đối với cán bộ nhân viên của Công ty như sau:

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Nguồn vốn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	8.200.000	8.000.000

Nguồn: SII

So với các đơn vị cùng ngành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, mức thu nhập của cán bộ công nhân viên của Công ty là khá cao và phù hợp với chính sách thu hút nhân sự chất lượng cao của Công ty trong thời gian qua.

□ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2017-2018, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Đến thời điểm 30/09/2019 các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

□ Các khoản phải nộp theo luật định

Từ năm 2017 đến tháng 04/2019, Công ty đã nhận các quyết định của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế như sau:

STT	Văn bản	Lý do	Mức phạt	Tình trạng
1	Quyết định số 488/QĐ-CT-XP ngày 25/01/2017 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra trước hoàn thuế	Kê khai thuế GTGT đầu vào không đúng quy định nhưng không làm ảnh hưởng đến số tiền thuế phải nộp	- Hình thức xử phạt: Phạt vi phạm hành chính 2.100.000 đồng - Số tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp và tiền phạt: 2.100.000 đồng	Đã hoàn thành thanh toán số tiền phải nộp phạt vào ngày 11/08/2017
2	Quyết định số 3554/QĐ-CT-XP ngày 21/07/2017 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế	Kê khai sai thuế GTGT, thuế TNDN trong hồ sơ khai thuế niên độ năm 2007 – 2012	- Hình thức xử phạt: không - Số tiền truy thu, tiền chậm nộp và tiền phạt: 78.316.633 đồng	Đã hoàn thành thanh toán số tiền phải nộp phạt vào ngày 24/07/2017
3	Quyết định số 3854/QĐ-CT-XP ngày 11/08/2017 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế	Kê khai sai thuế GTGT, thuế TNDN trong hồ sơ khai thuế niên độ năm 2013 – 2016	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền với mức phạt 2.100.000 đồng - Số tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp và tiền phạt: 2.100.000 đồng	Đã hoàn thành thanh toán số tiền phải nộp phạt vào ngày 11/08/2017
4	Quyết định số 4031/QĐ-CT-XP ngày 21/08/2017 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh về việc xử lý về	Kê khai sai thuế GTGT nhưng không dẫn đến thiếu số	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền với mức phạt 2.100.000 đồng	Đã hoàn thành thanh toán số tiền phải nộp

STT	Văn bản	Lý do	Mức phạt	Tình trạng
	thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra trước hoàn thuế	thuế phải nộp hoặc chưa được hoàn thuế	- Số tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp và tiền phạt: 2.100.000 đồng	phạt vào ngày 28/08/2017
5	Quyết định số 1049/QĐ-CT-XP ngày 14/03/2018 của Cục thuế TP.Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế	Kê khai sai thuế TNDN dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp (mục 4254)	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền với mức phạt 10.752.840 đồng - Số tiền thuế truy thu: 53.764.200 đồng	Đã hoàn thành thanh toán số tiền phải nộp phạt vào ngày 15/03/2018
6	Quyết định số 2073/QĐ-CT ngày 25/04/2019 của Cục thuế TP.Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế	Kê khai sai thuế TNDN	- Hình thức xử phạt: Phạt vi phạm hành chính về thuế với số tiền 3.080.480 đồng - Số tiền thuế truy thu: 15.402.400 đồng - Số tiền chậm nộp tiền thuế là 143.242 đồng	Đã hoàn thành thanh toán số tiền phải nộp phạt vào ngày 26/04/2019

Tính đến thời điểm 30/09/2019, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản tiền phạt phải nộp theo quy định của Nhà nước.

Các mức thuế suất đang áp dụng:

- Nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.
- Các mức thuế suất đang áp dụng: thuế VAT đối với các ngành hàng kinh doanh: 10%; thuế thu nhập doanh nghiệp: 20% tổng thu nhập chịu thuế.

□ Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Tình hình trích lập các quỹ theo quy định của Công ty trong 2 năm qua như sau:

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	100%	38.787	100%	42.873
1	<i>Trích lập Quỹ đầu tư phát triển</i>	5%	1.939	5%	2.144
2	<i>Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi</i>	5%	1.939	5%	2.144

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017 và 2018

Năm 2017, 2018 Công ty có lợi nhuận sau thuế, Đại hội đồng cổ đông cũng đã thông qua tại phiên họp thường niên năm 2017, 2018 là trích lập lại quỹ khen thưởng phúc lợi là 5%, quỹ đầu tư phát triển là 5%.

□ Tổng dư nợ vay

Tình hình vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/09/2019 như sau:

a) Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Vay ngắn hạn	9.816	-	56.100
Ngân hàng Vietinbank – CN11	9.816	-	-
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM	-	-	56.100
Nợ dài hạn đến hạn trả	41.102	133.619	148.944
<i>Ngân hàng VPBank – CN.HCM</i>	-	-	20.000
<i>Ngân hàng Vietinbank – CN.Lâm Đồng</i>	-	-	13.044
<i>Ngân hàng Vietinbank – CN11</i>	-	-	28.060
<i>Ngân hàng BIDV - Nam Gia Lai</i>	-	-	2.500
<i>Ngân hàng Phát triển Châu Á</i>	-	-	1.099
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN TP.HCM	-	-	85.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	(759)
Tổng cộng	50.918	133.619	205.044

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

b) Vay và nợ dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN11	694.172	671.873	656.588
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN.HCM	94.684	82.184	69.684
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Gia Lai	79.579	118.874	117.974
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Lâm Đồng	51.400	39.800	30.800
Ngân hàng Phát triển Châu Á	7.145	6.046	5.496
Ngân hàng TMCP Á Châu	583	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	570	-	-
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN TP.HCM	255.000	255.000	191.250
Chi phí phát hành	(3.037)	(2.278)	(1.708)
Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(41.102)	(133.619)	(148.944)
TỔNG CỘNG	1.138.995	1.037.880	921.140

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

□ Tình hình công nợ hiện nay**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải thu của khách hàng	69.098	54.895	49.177
Trả trước cho người bán	5.153	6.953	3.797
Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.500	-	-
Các khoản phải thu khác	58.254	182.591	187.298
Dự phòng phải thu khó đòi	(92)	(3.203)	(3.625)
TỔNG CỘNG	145.914	241.237	236.647

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

b) Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Nợ ngắn hạn	193.030	208.597	401.226
Phải trả người bán	60.519	34.773	37.374
Người mua trả tiền trước	17.107	-	81.204
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.474	11.572	6.595
Phải trả công nhân viên	521	686	22
Chi phí phải trả	15.073	25.404	18.166
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	50.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	43.635	1.087	1.303
Vay và nợ ngắn hạn	50.918	133.619	205.044
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.784	1.457	1.518
Nợ dài hạn	1.538.995	1.320.106	923.466
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	80.976	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	400.000	200.000	-
Vay và nợ dài hạn	1.138.995	1.037.880	921.140
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.249	2.326
TỔNG CỘNG	1.732.025	1.528.703	1.324.692

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,0	2,2	0,8
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,8	2,0	0,7
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	53,4%	49,71%	45,72%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,1	0,99	0,84
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho	Vòng	8,3	7,6	8,7
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,09	0,08	0,05
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,8%	11,60%	20,67%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,4%	1,85%	1,80%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,0%	0,9%	0,9%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-49,7%	-55,87%	-80,73%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	598	631	639

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và Quý 3 năm 2019 và tính toán của VCSC

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị

a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	Không điều hành
3	Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên - HĐQT	Không điều hành
4	Ferdinand M. Dela Cruz	Thành viên – HĐQT	Không điều hành
5	Virgilio Cervantes Rivera, JR	Thành viên – HĐQT	Không điều hành
6	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên – HĐQT	Độc lập
7	Nguyễn Xuân Giao	Thành viên – HĐQT	Độc lập
8	Trần Thái Tùng	Thành viên – HĐQT	Độc lập
9	Nguyễn Văn Thành	Thành viên – HĐQT	Điều hành

b) Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

LÝ LỊCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÔNG TY CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a. Ông LÊ VŨ HOÀNG

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: 020096649, ngày cấp 02/07/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- + Ngày tháng năm sinh: 18/3/1946
- + Nơi sinh: Bến Tre
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Bến Tre
- + Địa chỉ thường trú: 239 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - Từ 1962 – 1963: Công tác tại Ban Tổ chức Trung ương Cục Miền Nam sau đó đi học nghiệp vụ tại Trường Thông tin thuộc Ban Thông tin R
 - Từ 1963 – 1968: Công tác tại Thông tấn xã Giải phóng – Trưởng đài điện báo
 - Từ 1968 – 1970: Công tác tại Đại sứ quán CHMN Campuchia – Trưởng Đại diện báo
 - Từ 1970 – 1974: Công tác trong Đoàn chuyên gia giúp Đảng CS Campuchia (nay là Đảng Nhân dân CM CPC)
 - Từ 1975 – 1979: Đi học Trường Bổ túc Công Nông Miền Nam
 - Từ 1979 – 1997: Công tác tại UBND Quận 5, Trưởng phòng sau đó là Phó Chủ tịch
 - Từ 1997 – 2001: Công tác tại Quỹ Đầu tư phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh – Phó Tổng giám đốc QĐT
 - Từ 12/2001 – 2012: Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 04/2012 – nay: Chủ tịch HĐQT Cty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh (CII)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (LGC)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CEE)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
CTCP BOO nước Thủ Đức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

b. Ông LÊ QUỐC BÌNH

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: 023833426, ngày cấp 23/08/2006, nơi cấp: CA TP.HCM
- + Ngày tháng năm sinh: 25/02/1972
- + Nơi sinh: Đà Nẵng
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Quảng Bình
- + Địa chỉ thường trú: 45 Trần Phú, Quận 5, TP.HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 914 1904
- + Trình độ học vấn: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán – Kiểm toán
- + Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 đến năm 1997: Cán bộ Phòng Kế toán Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn
 - Từ năm 1997 đến năm 2001: Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM
 - Từ tháng 12/2001 đến 04/2012: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM

- Từ tháng 04/2012 đến nay: Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 10.000 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần, chiếm 0,0155% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Thành viên Hội đồng Quản trị

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

c. Bà NGUYỄN MAI BẢO TRÂM

- + Giới tính: Nữ
- + Số CMND: 020789703, ngày cấp 04/12/2010, nơi cấp: CA TP.HCM
- + Ngày tháng năm sinh: 29/10/1963
- + Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Tp.Hồ Chí Minh
- + Địa chỉ thường trú: 221E/1 Trần Huy Liệu, Phường 8, Q Phú Nhuận, Tp.HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp

- + Quá trình công tác:
 - Từ 1983 – 1988: Sinh viên khoa Hóa Trường Đại học Tổng Hợp TP.HCM
 - Từ 10/1989 – 12/1993: Cán bộ Ban Trường học Thành Đoàn TP.HCM
 - Từ 01/1994 – 4/1996: Chuyên viên Ủy ban Thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 5/1996 – 3/1997: Ủy ban nhân dân Thành phố, hưởng lương chính, tạm hoãn công tác để làm đề tài tốt nghiệp cao học tại KCX Tân Thuận
 - Từ 4/1997: Chuyên viên Ban Quản lý dự án Công ty Thanh niên Xung phong
 - Từ 5/1997 – 01/2002: Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM.
 - Từ 02/2002 – đến nay: Giám đốc Đầu tư – Kinh doanh Cty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)
 - Từ 2006 – 16/05/2012: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Đầu tư –Kinh doanh Công ty CII
 - Từ ngày 17/5/2012 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty CII
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 32.654.750 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 32.654.750 cổ phần, tương đương 50,61% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng giám đốc

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

d. Ông FERDINAND M. DELA CRUZ

- + Giới tính: Nam
- + Số Passport: PO410981B, nơi cấp: Philippines
- + Ngày tháng năm sinh: 01/07/1966
- + Nơi sinh: Olongapo City, Zambales, Philippines

- + Quốc tịch: Filipino
- + Dân tộc: Filipino
- + Quê quán: -
- + Địa chỉ thường trú: MWSS Administration Building, 489 Katipunan Road, 1105 Balara, Quezon City, Philippines
- + Điện thoại liên lạc: +63 2 928 1223
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 07/2011 đến tháng 04/2015: Giám đốc khối, East Zone Business Operations, Manila Water Company Inc.
 - Từ tháng 04/2015 đến tháng 04/2017: Giám đốc điều hành, Manila Water Company Inc.
 - Từ tháng 04/2017 đến nay: Chủ tịch và Tổng Giám đốc, Manila Water Company Inc.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 12.258.000 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 12.258.000 cổ phần, 19% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

e. Ông VIRGILIO CAVANTES RIVERA, JR

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: EC6207431, nơi cấp: Philippines
- + Ngày tháng năm sinh: 08/07/1961
- + Nơi sinh: Mankayan Mt. Province, Philippines
- + Quốc tịch: Filipino
- + Dân tộc: -
- + Quê quán: -
- + Địa chỉ thường trú: Blk 1 Lot 4 Rambutan St. Cor. Kaimito St., Ayala Westgrove Heights, Brgy. Inchikan, Silang, Cavite, Philippines

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kinh tế
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - Giám đốc độc lập, Hội đồng Liên minh vệ sinh
 - Giáo sư, Viện Global Change, Đại học Queensland – Úc
 - Thành viên, Academy of Regulatory Professionals
 - Nhiều năm kinh nghiệm trong hoạch định kế hoạch chiến lược, điều chỉnh giá và hợp đồng, giúp gia hạn hợp đồng và nâng cao lợi nhuận của công ty dự án.
 - Chủ tịch Ban thương thảo cho các thỏa ước tập thể năm 2006 và 2008.
 - Giữ vị trí quan trọng trong các hội thảo quốc tế về cổ phần hóa hạ tầng, quy định và sáng kiến cho PPP tài trợ bởi WB, JICA, ADB, IWA, Singapore PUB, TERI, Stanford University, và các nước sở tại.
 - Giám đốc điều hành, Ayala Group, Bổ nhiệm vai trò Giám đốc Điều hành cho Dự án mới (Chief Operating Officer for New Business) tại Manila Water Company, Inc.
 - Kiêm nhiệm Chủ tịch và CEO của Manila Water Philippine Ventures và Manila Water Asia Pacific
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 12.258.000 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 12.258.000 cổ phần, 19% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty cổ phần BOO nước Thủ Đức	Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

f. Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

- + Giới tính: Nữ
- + Số CMND: 011276976, ngày cấp: 07/02/2005, nơi cấp: CA Hà Nội
- + Ngày tháng năm sinh: 22/01/1969
- + Nơi sinh: Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: 163 Nguyễn Thái Học, Quận Ba Đình, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- + Quá trình công tác:
 - Từ năm 1991 đến năm 1992: Nhân viên xuất-nhập khẩu HaprosimexHanoi.
 - Từ năm 1992 đến năm 2003: Tập đoàn Ngân hàng Australia và New Zealand tại Hà Nội, Australia và Singapore – Các vị trí Quản lý khác nhau trong Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Tài trợ Hàng hóa và Thương Mại, và Phát triển Chiến lược Tập đoàn.
 - Từ năm 2004 đến nay: Công ty TNHH 1 TV VinaConnect thuộc Tập đoàn Openasia – Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp.
 - Từ năm 2007 đến năm 2017: Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) – Trưởng Ban Kiểm Soát, Thành viên Ban Kiểm Soát.
 - Từ 2015 đến nay: Công ty CP Dầu Nhớt và Hóa Chất Việt Nam (Vilube) – Thành viên Hội đồng Quản trị.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Văn phòng Đại diện Ayala Corporation tại Thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng đại diện
Công ty TNHH 1 TV VinaConnect	Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Tổ chức	Vị trí
Công ty CP Dầu Nhớt và Hóa Chất Việt Nam (Vilube)	Trưởng Ban Kiểm Soát

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

g. Ông NGUYỄN XUÂN GIAO

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: 001080024123, ngày cấp: 09/10/2018, nơi cấp: CA Hà Nội
- + Ngày tháng năm sinh: 04/01/1980
- + Nơi sinh: Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: 131 Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- + Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 08/2008 đến tháng 08/2017: CTCP Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Bản Việt.
 - Từ tháng 02/2018 đến nay: Giám đốc Đầu tư CTCP Đầu tư Việt Nam - Ô-man.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
CTCP Đầu tư Việt Nam - Ô-man	Giám đốc Đầu tư

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

h. Ông TRẦN THÁI TÙNG

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: 023460869 ngày cấp: 13/08/2011, nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
- + Ngày tháng năm sinh: 06/02/1981
- + Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- + Địa chỉ thường trú: 384/61 Lý Thái Tổ, P.10, Q.10, TP.HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Cử nhân
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- + Quá trình công tác:
 - Từ năm 2003 đến tháng 10/2006: Cty TNHH KPMG Việt Nam – Kiểm toán viên cao cấp.
 - Từ tháng 11/2006 đến tháng 12/2015: Cty TNHH Tư vấn đầu tư Tầm nhìn – Phó Giám đốc.
 - Từ tháng 01/2016 đến tháng 06/2017: Tư vấn tài chính tự do.
 - Từ tháng 07/2017 đến nay: CTCP Đầu tư Việt Nam – Ô-man – Phó Giám đốc Quản lý Danh mục Đầu tư.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
CTCP Đầu tư Việt Nam – Ô-man	Phó Giám đốc Quản lý Danh mục Đầu tư
Công ty Dược phẩm Trà Vinh TV.PHARM	Thành viên Hội đồng Quản trị

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

i. Ông NGUYỄN VĂN THÀNH

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: 023724594 ngày cấp: 23/12/2013, nơi cấp: CA TP.HCM
- + Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- + Nơi sinh: Thái Bình
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: 818/56B Lê Lợi, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- + Quá trình công tác:
- Từ năm 1990 đến năm 2002: Cán bộ quản lý xưởng chế biến gỗ, Công ty Sapsimex
 - Từ năm 2002 đến năm 2009: Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Thu phí, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
 - Từ năm 2009 đến năm 2010: Giám đốc, CTCP Đầu tư Đồng Thuận
 - Từ năm 2010 đến 2011: Trưởng ban Quản lý dự án, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
 - Từ 10/2011 đến 04/2012: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cơ khí Điện Lữ Gia.
 - Từ 04/2012 đến 04/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cầu đường CII

- Từ 04/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Tổng Giám đốc, kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là:
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

13.2 Ban Giám đốc

a) Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phụ trách
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	Điều hành chung
2	John Walter E. Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	Điều hành chung
3	Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	Phụ trách Bộ phận Kỹ thuật, Quản lý Dự án, Quản lý Đầu tư & Danh mục đầu tư, Thu mua
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	Phụ trách Bộ phận Tài chính – Kế toán
5	Alvin S. Evangelista	Giám đốc Kiểm soát Tài chính	Phụ trách Bộ phận Kế hoạch, Giám sát & Báo cáo Tài chính

b) Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

LÝ LỊCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÔNG TY CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

a. Ông NGUYỄN VĂN THÀNH

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc.

Lý lịch trình bày tại phần i trong danh sách HĐQT ở trên.

b. Ông JOHN WALTER E. TENDENCIA

- + Giới tính: Nam
- + Số Passport: EC8554811, ngày cấp: 07/11/2016, nơi cấp: Philippines
- + Ngày tháng năm sinh: 23/8/1982
- + Nơi sinh: Manila, Philippines
- + Quốc tịch: Filipino
- + Dân tộc: -
- + Quê quán: -
- + Địa chỉ thường trú: Saigon Pavillion Unit 903 -53-55 Bà Huyện Thanh Quan, P.6, Q.3, TP.HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Cử nhân
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư điện
- + Quá trình công tác:
 - 2005 - 2006 : Quản lý vùng, Công ty Manila Water, Philippines
 - 2007 - 2008 : Trưởng phòng Tự động hóa, Chuyên viên Phát triển kinh doanh, bổ nhiệm tại Công ty Mahindra Water Utilities, India và Công ty Manila Water, Philippines;
 - 2009 - 2009 : Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất, Công ty Manila Water, Philippines;
 - 2009 - 2013 : Trưởng phòng Kỹ thuật kiêm Phát triển kinh doanh, Công ty Manila Water, Philippines;
 - 2012 - 2013 : Trưởng phòng Phân phối, Công ty Manila Water, Philippines;
 - 2013 - 2018: Phó Tổng Giám đốc Quản lý vận hành, Nhà máy nước Kênh Đông;
 - Tháng 02/2018 đến tháng 08/2018: Giám đốc Điều hành, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;
 - Tháng 08/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN	Thành viên Hội đồng Thành viên
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia	Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có

+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có

+ Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có

+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có

+ Hành vi vi phạm pháp luật: không

c. Ông CHÂU NGỌC TRỌNG

+ Giới tính: Nam

+ Số CMND: 240642257, ngày cấp: 10/08/2016, nơi cấp: CA Tỉnh Đắk Lắk

+ Ngày tháng năm sinh: 24/12/1980

+ Nơi sinh: Đắk Lắk

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Đắk Lắk

+ Địa chỉ thường trú: 84 Chu Văn An, P1, Q6, TP. Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483

+ Trình độ học vấn: Cử nhân

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Môi trường

+ Quá trình công tác:

- Từ Tháng 8/2003 – Tháng 1/2005: Tư vấn giám sát thi công, Chi nhánh Công ty nước và môi trường Việt nam tại Tp. Hồ Chí Minh (Viwase).

- Từ Tháng 1/2005 – Tháng 11/2009: Thiết kế kỹ thuật, Công ty CP Nước Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn (Thành viên của Viwase)
 - Tháng 11/2009 – Tháng 2/2014: Chỉ huy Trưởng công trình, Công ty Manila Water (Manila Water).
 - Tháng 02/2014 – Tháng 07/2018: Giám đốc Dự án kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật , Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water).
 - Từ tháng 08/2018 – Nay: Giám đốc Kỹ Thuật, Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water).
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Giám đốc Kỹ thuật
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Giám đốc

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

d. Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

- + Giới tính: Nữ
- + Số CMND: 06418000019, ngày cấp: 27/05/2016, Nơi cấp: ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư
- + Ngày tháng năm sinh: 07/01/1980
- + Nơi sinh: TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

- + Quê quán: Gia Lai
- + Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, phường 3, Quận 8, TP.HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
 - Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Obayashi Corporation;
 - Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
 - Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP Chứng khoán Hùng Vương;
 - Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Quản lý quỹ ACE Life
 - Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
 - Từ năm 2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là : 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Trưởng Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	Thành viên Ban Kiểm soát
Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN	Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Đan Kìa	Trưởng Ban Kiểm soát

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có

- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

e. Ông Alvin S. Evangelista

- + Giới tính: Nam
- + Số Passport: P2689751A, nơi cấp: Philippines
- + Ngày tháng năm sinh: 03/09/1983
- + Nơi sinh: Philippines
- + Quốc tịch: Filipino
- + Dân tộc: -
- + Quê quán: -
- + Địa chỉ thường trú: Unit 18-16 Landmark Plus, Vinhomes Central Park, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Cử nhân
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- + Quá trình công tác:
 - Tháng 04/2010 - Tháng 02/2012: Chuyên viên Kế toán tại Montgomery Pacific Outsourcing.
 - Tháng 03/2011 - Tháng 06/2014: Giám đốc Kiểm soát Tài chính Khu vực kinh doanh San Juan Mandaluyong tại Manila Water Company.
 - Tháng 06/2014 - Tháng 08/2015: Trưởng phòng Kiểm soát Tài chính Vận hành Khu vực Đông tại Manila Water Company.
 - Tháng 08/2015 - Tháng 08/2016: Trưởng phòng Tài chính tại Manila Giải pháp Tổng thể.
 - Tháng 08/2016 - Hiện tại: Giám đốc Tài chính và Hành chính - Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng Nước Châu Á kiêm Giám đốc Tài chính và Hành chính tại Văn phòng Đại diện tại Việt Nam của Manila Water Châu Á Thái Bình Dương.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Giám đốc Kiểm soát tài chính
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

13.3 Ban Kiểm soát**a) Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ma. Victoria P. Sugapong	Trưởng BKS
2	Nguyễn Văn Chính	Thành viên BKS
3	Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên BKS

b) Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát**LÝ LỊCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÔNG TY CỦA BAN KIỂM SOÁT****a. Bà MA. VICTORIA P. SUGAPONG**

- + Giới tính: Nam
- + Số Passport: P2401924A, nơi cấp: Philippines
- + Ngày tháng năm sinh: 11/12/1966
- + Nơi sinh: Manila, Philippines
- + Quốc tịch: Filipino
- + Dân tộc: -
- + Quê quán: -
- + Địa chỉ thường trú: 5 Dao St., Ayala Westgrove Heights, Brgy. Tibig, Silang, Cavite, Philippines
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, CPA
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, CPA
- + Quá trình công tác:
 - Từ 07/2009 - 12/2012: Phó Giám đốc 2 của Tập đoàn nước Manila
 - Từ 07/2009 - 09/2010: Giám đốc rủi ro tại Tập đoàn nước Manila.
 - Từ 10/2010 - 07/2016: Giám đốc rủi ro và Phó kiểm soát viên tại Tập đoàn nước Manila

- Từ 01/2013 - Now: Giám đốc Điều hành của Tập đoàn nước Manila.
 - Từ 08/2016 - 01/2018: Phó Giám đốc Tài chính Tập đoàn, Kế toán trưởng và Trưởng phòng Kiểm soát tại Phòng Kế toán và Kế hoạch, Thành viên Ủy ban Quản lý Hoạt động Nước của Manila tại Tổng công ty Nước Manila và thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Thử Đức Water BOO..
 - Từ 11/2018 - Hiện tại: Giám đốc Tài chính tại Manila Water Asia Pacific, Pte. Ltd, Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Thử Đức Water BOO, Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, Thành viên Hội đồng quản trị tại PT Manila Water Indonesia.
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, 0% vốn điều lệ
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

b. Ông NGUYỄN VĂN CHÍNH

- + Giới tính: Nam
- + Số CMND: 212049394, ngày cấp: 24/11/2007, nơi cấp: CA Quảng Ngãi
- + Ngày tháng năm sinh: 18/02/1979
- + Nơi sinh: Quảng Ngãi
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú: 1180/25/2L Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp
- + Quá trình công tác:
- Từ năm 2001 – 2004: Nhân viên kế toán, Tổng Công ty XDCT Giao thông 5

- Từ năm 2004 – 2017: Kế toán trưởng Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu
 - Từ năm 2014 – 2017: Kế toán trưởng Cty TNHH MTV BOT Ninh Thuận
 - Từ năm 2017 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính CTCP Cầu đường CII
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
Công ty CP Cầu đường CII	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

c. Bà VÕ HOÀNG KIỀU OANH

- + Giới tính: Nữ
- + Số CMND: 025318564, ngày cấp: 29/06/2010, nơi cấp: CA TP.HCM
- + Ngày tháng năm sinh: 17/07/1980
- + Nơi sinh: Kon Tum
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: -
- + Quê quán: Kon Tum
- + Địa chỉ thường trú: 82/8 Trần Mai Ninh, P.12, Q. Tân Bình, TP. HCM
- + Điện thoại liên lạc: (84.28) 6291 8483
- + Trình độ học vấn: Cử nhân
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- + Quá trình công tác:
- Từ năm 2002 - 2007: Cty Dầu Thực vật Lân Cái
 - Từ năm 2007 - 2012: VinaCapital Corporate Finance

- Từ năm 2012 - 2016: Cty Quản lý quỹ Manulife Việt Nam
 - Từ năm 2016 - 2018: CTCP Hàng Không Vietjet
 - Từ năm 2018 đến nay: CTCP Đầu tư Việt Nam – Oman
- + Chức vụ hiện tại ở Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- + Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/03/2019 là: 0 cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- + Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổ chức	Vị trí
CTCP Đầu tư Việt Nam – Oman	Kế toán trưởng

- + Các khoản nợ tại tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức phát hành (nếu có): không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật: không

13.4 Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng**LÝ LỊCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÔNG TY CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG****Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

Chức vụ hiện tại ở Công ty: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Lý lịch trình bày tại phần d trong danh sách Ban Giám đốc ở trên.

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)**14.1 Tài sản cố định tại 30/09/2019**

Đơn vị: triệu đồng

Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	2.685.876	538.567	2.147.309
Nhà cửa, vật kiến trúc	281.444	91.414	190.030
Máy móc, thiết bị	228.180	123.498	104.683
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.172.752	322.078	1.850.674

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Đơn vị: triệu đồng

Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.382	938	1.445
Cây lâu năm	757	610	146
Tài sản cố định khác	361	30	331
Tài sản cố định vô hình	12.314	2.927	9.387
Quyền sử dụng đất	3.978	31	3.947
Phần mềm máy vi tính	8.336	2.895	5.440
Tổng cộng	2.698.189	541.494	2.156.696

Nguồn: BCTC Quý 3 năm 2019

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Năm 2018	Tăng(+)/Giảm(-) so với 2017	Kế hoạch năm 2019	Tăng(+)/Giảm(-) so với 2018
Vốn điều lệ	645.160	0,00%	1.019.353	58%
Vốn chủ sở hữu	1.546.387	2,09%	1.920.580	24%
Doanh thu thuần	244.065	-12,79%	246.380	1%
Lợi nhuận sau thuế	28.299	-14,33%	55.650	97%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,60%	-0,21%	22,59%	10,99%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,85%	-0,52%	3,21%	1,36%
Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá)	-		-	

Nguồn: SII

Việc lập kế hoạch năm 2019 được thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, khả thi, dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư của SII, tình hình kinh tế, môi trường cạnh tranh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, Ban Điều hành Saigon Water sẽ tập trung thực hiện các công tác sau:

- Đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con, các kế hoạch đầu tư, đồng thời tìm hiểu các chiến lược quản lý dòng tiền và tái cấu trúc khả dĩ khác;

- Cải thiện tình hình hoạt động và tài chính của Dự án Củ Chi, chủ yếu bao gồm gia tăng sản lượng ghi thu thông qua việc gia tăng lượng tiêu thụ của hộ gia đình và tăng số lượng đấu nối với khách hàng khu công nghiệp;
- Xác định và triển khai kế hoạch cụ thể cho Công ty Gia Lai để mang lại tăng trưởng doanh thu đáng kể và kiểm soát hiệu quả chi phí;
- Mở rộng tìm kiếm khách hàng và thương lượng các hợp đồng, dự án nhằm mang lại biên lợi nhuận cao hơn cho Công ty Mạng nước Châu Á và Enviro
- Cải thiện kế hoạch trung và dài hạn của các công ty con thông qua các chương trình quản lý hiệu quả chi phí và hoạt động quản trị hiệu quả hơn;
- Đánh giá danh mục đầu tư của Saigon Water thông qua việc xem xét các khoản đầu tư/ tài sản không hiệu quả và/ hoặc đang mang lại giá trị cho Công ty, và xác định chiến lược đầu tư hiệu quả nhất cho Saigon Water.

Chi tiết kế hoạch của từng công ty thành viên như sau:

- Với Công ty mẹ, kết quả năm 2019 sẽ giảm mạnh so với năm 2018 do không dự kiến doanh thu từ thoái vốn. Dự báo cổ tức nhận được trong năm 2019 lần lượt từ BOO Thủ Đức (8,2 tỷ), Tân Hiệp 2 (10,3 tỷ). Tổng chi phí tài chính cho các khoản vay và trái phiếu hiện hữu là 23 tỷ đồng.
- Với Dự án Củ Chi, mục tiêu sản lượng ghi thu trung bình trong năm 2019 là 23 nghìn m³/ ngày hoặc 8,47 triệu m³/ năm. Dự báo đơn giá bán trung bình khoảng 7.900 đồng/m³. Khoản thu nhập khác 200 tỷ là từ việc phân bổ 600 tỷ từ nguồn hỗ trợ của Ngân Sách cho dự án Củ Chi (Phân bổ 3 năm từ năm 2017 đến 2019). Chi phí tài chính chiếm khoảng 9,6-9,8%, tương đương 65 tỷ tiền lãi từ khoản vay 671 tỷ đồng tại Vietinbank. Lợi nhuận sau thuế tăng nhẹ do doanh thu tăng lên. Tổng chi phí khấu hao trong năm 2019 dự kiến là gần 65 tỷ đồng, ngoài ra không có chi phí đầu tư thêm nào trong dự báo.
- Với Saigon Dankia, lợi nhuận sau thuế trong năm 2019 dự kiến tăng nhờ giá bán nước tăng 449 đồng (đã áp dụng từ giữa tháng 11/2018), đồng thời sản lượng ghi thu tăng nhẹ từ 25.000 m³/ngày lên 25.400 m³/ngày, tương đương khoảng 9,28 triệu m³/năm. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý chung không tăng đáng kể.
- Với Enviro, Ban điều hành dự kiến lợi nhuận năm 2019 sẽ không khả quan như các năm trước do các dự án/hợp đồng vẫn chưa được hoàn thành.
- Với Pleiku, hoạt động kinh doanh vẫn chưa có nhiều cải thiện, sản lượng cung cấp cho Công ty Cấp nước Gia Lai dự kiến vẫn ở mức 6.400 đồng/m³, sản lượng ghi thu bình quân trong năm 2019 dự kiến vào khoảng 2,33 triệu m³. Lợi nhuận từ trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) đạt mức 4,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần của Saigon Pleiku trong năm 2019 dự kiến âm 14,8 tỷ đồng, vì chi phí khấu hao và chi phí tài chính cao, lần lượt là 8,3 tỷ và 11 tỷ đồng.
- Với An Khê, lợi nhuận sau thuế dự kiến sẽ giảm mạnh so với năm 2018, khi các chi phí khấu hao và lãi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ ngay từ đầu năm thay vì từ tháng 07 như năm 2018. Tuy vậy, do sản lượng ghi thu dự kiến tăng đáng kể (từ 2.600 m³/ngày lên 4.700 m³/ngày)

giúp doanh thu tăng từ 10,3 tỷ lên 13,8 tỷ và lợi nhuận từ trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) đạt mức 2,8 tỷ đồng so với mức -0,2 tỷ năm 2018.

- Với Công ty Cấp nước Gia Lai, hiện nay, Ban Điều hành đang tập trung (1) cải tạo dịch vụ cấp nước thành dịch vụ 24/7; (2) bổ sung và đầu nối khách hàng mới, đồng thời khôi phục khách hàng cũ hoặc khách hàng ngưng sử dụng; (3) mở rộng tuyến ống tại Pleiku; và (4) giảm thất thoát nước. Đây cũng là kế hoạch chính của Gia Lai trong năm tới. Sản lượng ghi thu dự kiến trong năm 2019 là 17.400 m³/ ngày, tương đương 6,35 triệu m³ trong năm. Lợi nhuận thuần dự kiến là 607 triệu đồng, cao hơn mức lỗ của năm 2018. Kết quả dự kiến này là nhờ sản lượng tăng và chi phí hoạt động giảm.
- Với Tân Hiệp, sản lượng ghi thu dự kiến trong năm 2019 sẽ tăng từ 200.000 m³/ ngày lên 300.000 m³/ ngày, dự kiến tăng từ Quý 3/2019. Lợi nhuận trước lãi vay và khấu hao tăng khoảng 32% so với năm 2018, do sản lượng ghi thu tăng. Đồng thời, chi phí tài chính giảm 3% so với năm 2018, dẫn đến lợi nhuận thuần tăng đáng kể trong năm 2019.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu SII hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do vậy, ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên HSX và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

- Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

- 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán đang lưu hành

- 64.516.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

- Giá chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2019 và Tờ trình số 08/2019/TTr-HĐQT-SGW ngày 28/03/2019 là 16.900 đồng/cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Công ty trước và sau khi phát hành căn cứ báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	31/12/2018	Tạm tính sau phát hành
Vốn chủ sở hữu	đồng	1.546.387.444.934	2.178.773.276.934
Vốn chủ sở hữu (không bao gồm lợi ích của cổ đông thiểu số)	đồng	1.097.309.366.219	1.729.693.198.219
Số lượng cổ phần lưu hành	CP	64.516.000	101.935.280
Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	23.969	21.374
Tỷ lệ pha loãng	%	10,8%	
Giá trị sổ sách trên cổ phần (không bao gồm lợi ích của cổ đông thiểu số)	đồng	17.008	16.969
Tỷ lệ pha loãng	%	0,23%	

Dựa trên so sánh với giá trị sổ sách, HĐQT đề xuất và Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 16.900 đồng/cổ phần trên cơ sở khoảng 30% chiết khấu so với giá trị sổ sách ngày 31/12/2018 nhằm ưu đãi hợp lý và gia tăng lợi ích cho cổ đông hiện hữu.

6. Phương thức phân phối

Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2019, Công ty sẽ chào bán 37.419.280 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu theo phương thức phân phối như sau:

6.1 Chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền

- Số lượng chào bán: 37.419.280 cổ phiếu
- Giá chào bán: 16.900 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng chào bán: Toàn bộ các cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong Danh sách tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền.
- Tỷ lệ phân phối: Phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:58, nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được hưởng 100 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 58 cổ phiếu phát hành thêm.

Ví dụ : Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phần. Như vậy, cổ đông A sẽ được mua thêm số cổ phần là 580 cổ phần.

- Địa điểm thực hiện quyền mua :
 - + *Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán.*
 - + *Đối với các cổ đông chưa đăng ký lưu ký chứng khoán: Thực hiện quyền mua tại trụ sở Công ty. Đóng tiền mua trực tiếp vào tài khoản phong tỏa.*

6.2 Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn lại sau khi kết thúc phát hành

- Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị;
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phiếu lẻ phát sinh ra do làm tròn trên đây và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền mua), Đại hội đồng cổ đông đồng ý phân phối cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo chào bán hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các Nhà đầu tư khác theo phương án này sẽ bị hạn chế quyền chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định của pháp luật. Hạn chế này không áp dụng đối với số cổ phiếu được bảo lãnh chào bán hoặc số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho cổ đông hiện hữu.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu và niêm yết bổ sung số cổ phần trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 1 đến D + 7
4	Trung tâm lưu ký chốt danh sách cổ đông được nhận quyền mua cổ phần	D + 20
5	Chuyển nhượng quyền mua	D + 20 đến D + 40
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 20 đến D + 50
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 50 đến D + 60
8	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung	D + 60 đến D + 70
9	HSX chấp thuận niêm yết bổ sung và chính thức giao dịch cổ phiếu trên HSX	D + 70 đến D + 80

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng.
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1 Công bố báo chí

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, SII sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về

chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và ngày thực hiện quyền.

8.2 Đăng ký mua cổ phiếu

❑ Xác định Danh sách sở hữu cuối cùng

Công ty sẽ lập Danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về ngày chốt danh sách.

❑ Phân bổ và thông báo quyền mua

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có danh sách sở hữu cuối cùng, các thành viên lưu ký và SII sẽ thông báo và phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu.

9. Phương thức thực hiện quyền (trong trường hợp chào bán cổ phiếu tăng vốn có kèm theo quyền mua cổ phần, chào bán cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi hoặc có kèm theo chứng quyền)

❑ Tỷ lệ thực hiện quyền

Phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:58, tức là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được hưởng 100 quyền mua và cứ mỗi 100 quyền mua sẽ được mua 58 cổ phiếu phát hành thêm.

❑ Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:

Các cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 30 ngày, từ ngày D + 20 đến ngày D + 50 tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản chứng khoán (đối với chứng khoán đã lưu ký) và tại SII (đối với chứng khoán chưa lưu ký). Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

❑ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:

Các cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần trong vòng 20 ngày, từ ngày D + 20 đến ngày D + 40 tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản chứng khoán (đối với chứng khoán đã lưu ký) và tại Công ty (đối với chứng khoán chưa lưu ký).

❑ Các quyền khác của cổ đông

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phần chào bán kèm theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ 3) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❑ Chuyển giao cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành thêm được chuyển giao cho cổ đông từ ngày D + 70.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

“b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác”

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Tuy nhiên, thông tin về lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được đăng tải trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo đường link:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=4dff>. Chi tiết các

ngành nghề kinh doanh của Công ty ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư (NĐT) nước ngoài sau khi tra soát như sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo quy định
2790	Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở)	Không hạn chế
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở)	Không hạn chế
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	Không hạn chế
0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ-nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	Không hạn chế
4669 (Chính)	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị cấp – thoát nước, hệ thống xử lý nước	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo quy định
	sạch - nước thải. Bán buôn vật tư – thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).	ngoài là 49%
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Không hạn chế
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp.	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài là 49%
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển-đo lường	Không hạn chế
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài là 49%
7020	Hoạt động tư vấn quản lý chi tiết: Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài là 49%
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải. Giám sát thi công công trình.	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài là 49%
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài là 49%
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật). Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.	Không đề cập, nên tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài là 49%
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng	Không hạn chế

Do vậy tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SII tối đa là 49%. Tại danh sách cổ đông hiện hữu ngày 22/03/2019 của SII do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài của SII là 48,96%.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.019.352.800.000 đồng lần này, Công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua trong đợt phát hành để phân bổ quyền, Công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Công ty cam kết trong trường hợp kết thúc đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu, nếu cổ đông không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phiếu chào bán thì toàn bộ số lượng cổ phiếu còn lại không mua hết Công ty sẽ chào bán cho CII và các đối tượng này không phải là nhà đầu tư nước ngoài, nhằm đảm bảo không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Số lượng cổ phần phát hành thêm của SII là cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.

Theo Điều 9 Nghị định 60/2015/NĐ-CP thì “Trường hợp tổ chức phát hành thực hiện chào bán một phần trong tổng số cổ phần đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định (trừ trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu của họ trong công ty hoặc chào bán cho người lao động), thì phải bảo đảm điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội đồng cổ đông có chấp thuận khác. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phải xác định tiêu chí, danh sách các nhà đầu tư này theo các quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán”.

12. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức,... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở như sau:

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Số tài khoản: 601704060518269

Tại: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**1. Mục đích chào bán**

- Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:58;
- Thực hiện hoạt động M&A, cụ thể là mua 30.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Củ Chi (tương đương 49% vốn điều lệ) từ Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd. (MWSAH) và VIAC (No.1) Limited Partnership (VIAC);
- Thanh toán chi phí lãi và nợ vay ngân hàng;
- Bổ sung vốn lưu động.

2. Về mối quan hệ giữa 02 nhà đầu tư (MWSAH và VIAC) với SII và cán bộ chủ chốt của SII:

- MWSAH và VIAC là 02 cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của SII, cụ thể:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần Sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd.	38 Beach Road, #29-11 South Beach Tower, Singapore 189767	24.516.000	38,00%
2	Viac (No.1) Limited Partnership	24 Raffles Place #22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	10,90%

- Các thành viên HĐQT, BKS, BGD có liên quan đến MWSAH và VIAC bao gồm:

STT	Tên	Chức danh / Vị trí	Người có liên quan	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Ferdinand M. Dela Cruz	Thành viên – HĐQT	MWSAH	
2	Virgilio Cervantes Rivera, JR	Thành viên – HĐQT	MWSAH	
3	Nguyễn Xuân Giao	Thành viên – HĐQT	VIAC	
4	Trần Thái Tùng	Thành viên – HĐQT	VIAC	
Ban kiểm soát				
1	Ma. Victoria P. Sugapong	Trưởng BKS	MWSAH	
2	Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên BKS	VIAC	
Ban giám đốc				
1	John Walter E. Tendencia	Giám đốc Điều hành	MWSAH	
2	Alvin S. Evangelista	Giám đốc Kế hoạch và Báo cáo Tài chính	MWSAH	

3. Thông tin hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Củ Chi:**a. Giới thiệu chung**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CÚCHI**
- Tên viết tắt: **CU CHI WATER**
- Vốn điều lệ: **630.000.000.000 đồng**

- Số lượng cổ phần đang lưu hành 63.000.000
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Điện thoại: +8428 6291 8478
- Fax: +8428 6291 8489

b. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600 (chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
3	Xây dựng công trình kỹ thuật khác	4290
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
5	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
6	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường. Tư vấn công nghệ.	7490

c. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 15/06/2015, Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi được thành lập bởi SII (tỷ lệ vốn góp là 99,98%) và ông Trương Khắc Hoàn (0,02%).
- Đến ngày 25/03/2017, Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi.

d. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính

▪ **Tài sản, nguồn vốn**

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1. Tổng tài sản	630.058	630.044	630.081
Trong đó: + Tài sản ngắn hạn	58	44	81
+ Tài sản dài hạn	630.000	630.000	630.000
2. Vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán	630.008	629.994	629.981
3. Vốn điều lệ thực góp	630.000	630.000	630.000
4. Nợ ngắn hạn:	50	50	-
trong đó: Nợ quá hạn:	-	-	-
5. Nợ dài hạn	-	-	100
trong đó: Nợ quá hạn:	-	-	-

(Báo cáo Kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019)

▪ **Kết quả kinh doanh**

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1. Tổng doanh thu	-	-	-
2. Giá vốn hàng bán	-	-	-
3. Lợi nhuận gộp	-	-	-
4. Tổng chi phí	19.678.600	13.129.964	13.251.900
5. Doanh thu tài chính	193.534	62.063	41.308
6. Chi phí tài chính	-	-	-
7. Lợi nhuận thực hiện	-19.485.066	-13.067.901	-13.210.592
8. Lợi nhuận sau thuế	-19.485.066	-13.067.901	-13.210.592
9. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	-0,003%	-0,0021%	-0,0021%

(Báo cáo Kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý 3 năm 2019)

▪ **Các chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Q3/2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,15	0,89	-
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
Hệ số thanh toán nhanh:	1,15	0,89	-
TSLĐ - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Q3/2019
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,01%	0,01%	0,02%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,01%	0,01%	0,02%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:	-	-	-
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	-	-
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,003%	-0,0021%	-0,0021%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,003%	-0,0021%	-0,0021%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-0,31	-0,16	-0,21

e. Cơ cấu cổ đông (vào ngày 30/09/2019)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần Sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn	Tầng 5, số 70 Lữ Gia, P15, Q11, TP.HCM, Việt Nam	32.117.400	50,98%
2	Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd.	38 Beach Road, #29-11 South Beach Tower, Singapore 189767, Singapore	15.435.000	24,50%
3	VIAC (No.1) Limited Partnership	24 Raffles Place #22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	15.435.000	24,50%
4	Trương Khắc Hoàn	97 Đường số 2, Cư xá Bình Thới, P8, Q11, TP.HCM, Việt Nam	12.600	0,02%

Nguồn: CTCP Cấp thoát nước Củ Chi

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Tổng số tiền thu được tạm tính sau khi phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 632.385.832.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để thực hiện hoạt động M&A, cụ thể là mua 30.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Củ Chi (tương đương 49% vốn điều lệ), thanh toán chi phí lãi và nợ vay ngân hàng, bổ sung vốn lưu động. Cụ thể như sau:

STT	Mục đích	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thực hiện hoạt động M&A, cụ thể là mua 30.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Củ Chi (tương đương 49% vốn điều lệ)	308.700.000.000	2019-2020
2	Thanh toán chi phí lãi vay và nợ gốc ngân hàng Trong đó:	286.390.000.000	2020 - 2022
	- Thanh toán chi phí lãi vay:	104.390.000.000	2020 – 2022
	+ HĐ đặt mua trái phiếu ngày 23/12/2016	14.460.000.000	2020
	+ HĐ đặt mua trái phiếu ngày 23/12/2016	5.540.000.000	2021
	+ Hợp đồng tín dụng số 50/2015-HĐTDDA/NHCT942-SGW	43.990.000.000	2020
	+ Hợp đồng tín dụng số 50/2015-HĐTDDA/NHCT942-SGW	40.400.000.000	2021
	- Thanh toán nợ vay gốc:	182.000.000.000	2020 – 2022
	+ HĐ đặt mua trái phiếu ngày 23/12/2016	85.000.000.000	2020
	+ HĐ đặt mua trái phiếu ngày 23/12/2016	85.000.000.000	2021
	+ Hợp đồng tín dụng số 16/2017-HĐTDDA/NHCT942-SGW	4.000.000.000	2020
	+ Hợp đồng tín dụng số 16/2017-HĐTDDA/NHCT942-SGW	4.000.000.000	2021
	+ Hợp đồng tín dụng số 16/2017-HĐTDDA/NHCT942-SGW	4.000.000.000	2022
3	Bổ sung vốn lưu động	37.295.832.000	2020 – 2022
	TỔNG CỘNG	632.385.832.000	

- Chi tiết kế hoạch sử dụng vốn lưu động như sau:

Mục đích	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1. Thanh toán lương nhân viên	51.608.000.000	2020 – 2021
- Năm 2020	25.804.000.000	2020
- Năm 2021	25.804.000.000	2021
2. Thuê văn phòng, kho bãi	5.160.000.000	2020 – 2022
- Năm 2020	1.720.000.000	2020
- Năm 2021	1.720.000.000	2021
- Năm 2022	1.720.000.000	2022
Tổng cộng	56.768.000.000	2020 – 2022
Trong đó:		
- Nguồn phát hành	37.295.832.000	
- Nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và đầu tư	19.472.168.000	

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: +84 (0)8 3914 3588 Fax: +84 (0)8 3914 4531

Website www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC)

Trụ sở chính: Tầng 15, toà nhà Center Building – Hapulico Complex, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6664 2777 Fax: (84-24) 6664 3777

(Kiểm toán BCTC các năm 2016, 2017)

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA)

Trụ sở chính: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3783 2121 Fax: (84-24) 3783 2122

(Kiểm toán BCTC năm 2018)

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục I:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II:

- Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

Phụ lục III:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2019

Phụ lục IV:

- Các tài liệu khác

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ VŨ HOÀNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN THÀNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



MA. VICTORIA P. SUGAPONG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI